

nanoco



BẢNG GIÁ

Price list 04/2021

Panasonic



www.nanoco.com.vn



info@nanoco.com.vn



fb.com/nanoco.com.vn



Bề mặt mượt mà

Tổng quan thiết kế

Hài hòa không gian

Góc đảo chiều. Bật/Tắt nhỏ

Màu trắng

Màu vàng ánh kim

Màu xám ánh kim

	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	105.000	WMT501MYZ-VN	115.000	WMT501MYH-VN	115.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	129.000	WMT502MYZ-VN	139.000	WMT502MYH-VN	139.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	365.000	WMT594MYZ-VN	395.000	WMT594MYH-VN	395.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	165.000	WMT503MYZ-VN	175.000	WMT503MYH-VN	175.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	199.000	WMT504MYZ-VN	209.000	WMT504MYH-VN	209.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	699.000	WMT596MYZ-VN	759.000	WMT596MYH-VN	759.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	225.000	WMT505MYZ-VN	245.000	WMT505MYH-VN	245.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	239.000	WMT506MYZ-VN	259.000	WMT506MYH-VN	259.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	365.000	WMT507MYZ-VN	395.000	WMT507MYH-VN	395.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	439.000	WMT508MYZ-VN	469.000	WMT508MYH-VN	469.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	65.000	WMT7811MYZ-VN	85.000	WMT7811MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	65.000	WMT7812MYZ-VN	85.000	WMT7812MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	65.000	WMT7813MYZ-VN	85.000	WMT7813MYH-VN	85.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	65.000	WMT6891MYZ-VN	85.000	WMT6891MYH-VN	85.000
	Đèn gắn tường sợi lõi đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/hộp, 5 cái/thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN	2.500.000	WMT707MYZ-VN	2.700.000	WMT707MYH-VN	2.700.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	160.000	WMT540108MYZ-VN	199.000	WMT540108MYH-VN	199.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	1.730.000	WEC5781MYZ-VN	1.830.000	WEC5781MYH-VN	1.830.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Halumie



	WEVH5531K / WEVH5531-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	22.000
	WEVH5521K / WEVH5521-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	22.000
	WEVH5511K / WEVH5511-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	22.000
	WEVH5532 / WEVH5532-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	47.000
	WEVH5522 / WEVH5522-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	47.000
	WEVH5512 / WEVH5512-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	47.000
	WEVH5542-7 Dùng với mặt WEVH68030 Công tắc C, 2 chiều, loại đôi 250VAC - 10A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	149.000
	WEVH5003 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	162.000
	WEVH5004 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	259.000
	WEVH5033-7 Có đèn báo Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	255.000

	WEVH5521 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH5511 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH68010 Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68020 Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68030 Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH680290 Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68910 Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH8061 Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	19.000
	WEVH68040 Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEVH68060 Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEVH5151 - 51/WEVH5151-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	120.000
	WEVH5152 - 51/WEVH5152-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	141.000
	WEVH5401-011 Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	71.000



	WEV5001SW/WEV5001-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 19.000		WEV5001H/WEV5001-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B (1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 34.000
	WEV5002SW/WEV5002-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C - 2 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 41.000		WEV5002H/WEV5002-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C (2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 59.000
	WEG5003KSW Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 146.000		WEG5003KH Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 216.000
	WEG5004KSW Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 233.000		WEG5004KH Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E (4 ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 314.000
	WEG5151-51SWK/WEG51517SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 107.000		WEG5151-51KH/WEG51517H Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 136.000
	WEG5152-51SWK/WEG51527SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 126.000		WEG5152-51KH Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 168.000
	WEV5033-7SW Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 227.000		WEV5033-7H Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 283.000
	WEG5401-011SW Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 65.000		WEG5401-7H Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 100.000
	WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng 325.000		WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng 546.000
	WEG5141SW Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 293.000		WEG3023SW Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip dia 9mm/16mm Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 10.000

	WEV1081SW/ WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	37.000		WEV1081H/WEV1081-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	47.000
	WEV1181SW/ WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	64.000		WEV1181H/WEV1181-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	87.000
	WEV1582SW/ WEV1582-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	93.000		WEV1582H/WEV1582-7H Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	127.000
	WEV2501SW Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	81.000		WEV2501H Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng	121.000
	WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	81.000		WEV2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	121.000
	WEV2488SW-CAT5 WEV2488SW-CAT6 Ổ ảm data CAT5/ Ổ ảm data CAT6 Data modular CAT5/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	176.000 210.000		WEV2488H-CAT5 WEV2488H-CAT6 Ổ ảm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	210.000 252.000
	WEG2021SW Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	710.000		WEG2021H Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	850.000
	WEF11821W Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V / Output: 5V - 3A Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	590.000		WEF11821H Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	690.000
	WEG57912SW Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	710.000		WEG57912H Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	810.000
	WEF5791501SW-VN Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng - Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.300.000		WEF5791501H-VN Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng - Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.400.000
	WEG3032RSW Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	109.000		WEG3032RH Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	136.000
	WEG3020SW Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng	10.000		WEG3020H Nút trống Blank chip Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	14.000



WEV68010SW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

17.000



WEV68010MH
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

28.000



WEV68020SW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

17.000



WEV68020MH
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

28.000



WEV68030SW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

17.000



WEV68030MH
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

28.000



WEV68910SW
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

17.000



WEV68910MH
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

28.000



WEV680290SW
Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

17.000



WEV680290MH
Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

28.000



WEV7061SW
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

17.000



WEV7061MH
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

28.000



WEV7001SW
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

17.000



WEV7001MH
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

28.000



WEV68040SW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

32.000



WEV68040MH
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

47.000



WEV68060SW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

32.000



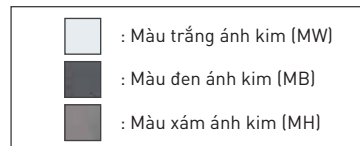
WEV68060MH
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

47.000



WEV68920SW
Mặt kín đôi
Double cover plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

32.000



WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A
Flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

29.000



WEV1091SW
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

29.000



WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A
round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

29.000



WEGP1041SW-1
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A
1 - gang multiple socket (A type plate)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng

189.000

	WEV68010MB Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV68010MW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV68020MB Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV68020MW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV68030MB Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV68030MW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV68910MB Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV68910MW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV680290MB Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG680290MW/WEV680290MW Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV7061MB Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV7061MW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV7001MB Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV7001MW Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV68040MB Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG6804MW/WEV68040MW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000
	WEG6806MB/WEV68060MB Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG6806MW/WEV68060MW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000

MẶT CÓ NẮP CHE

	WEG7901 Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 1 device IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG7902 Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 2 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG7903 Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 3 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG8981/WEG8981K-VN Mặt có nắp che mưa Weatherproof plate - IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng	219.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP

	WEG6501-1 Dùng cho 1 thiết bị 1 device metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG6502-1 Dùng cho 2 thiết bị 2 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG6503-1 Dùng cho 3 thiết bị 3 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG65029-1 Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1-gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000



Refina MÀU

	WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55317MH Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000
	WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000
	WEG55327MH Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000

Refina TRẮNG

	WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	34.000
	WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	34.000
	WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Switch C - 3 ways Dùng với mặt WEV68030SW Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	142.000
	WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	62.000
	WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	62.000
	WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	62.000
	WEV5533-7SW (Bắt vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	272.000

CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES



WEG5001K-031
Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A
Switch B "Make Up Room"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

29.000



WEG5002K-021
Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
Switch C "Do not disturb"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

51.000



WSBC9120SW-VN/WSBC9120W
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver socket build switch
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng

1.490.000



WNB5428690FK
Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo, 250VAC - 45A
BS Glow switch D double pole
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng

450.000



WEB1111SWK/ WEB11119SW-VN
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A
Receptacle - BS standard
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

115.000



WEBP1041SW-P
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

189.000



WEB7811SW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

19.900



WEB7812SW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

19.900



WEB7813SW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

19.900



WEB7811MW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



WEB7812MW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



WEB7813MW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



WBC7010
Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS

134.000



WBC7020
Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng

185.000



WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A
"Make Up Room" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

160.000



WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
"Do not disturb" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

160.000



WBC8981SW
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc,
có nắp che mưa IP43
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

184.000



WBC8991W
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm,
có nắp che mưa IP43
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng

200.000



WBG8981 - P
Mặt có nắp che mưa chuẩn BS
Weatherproof plate (BS type plate), IP55
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng

215.000



WEBP1041B-MH
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng

250.000



WEB7811MH
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



WEB7812MH
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



WEB7813MH
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



WEB7811MB
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



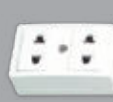
WEB7812MB
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000



WEB7813MB
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng

39.000

	WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	12.000
	WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	92.000
	WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.000
	WNG5003W-7 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 10A Switch D(2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	109.000
	WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	175.000
	WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	354.000
	WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	102.000
	WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	123.000
	WNG5343W-761 Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng (có chữ) Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	180.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy lạnh (có chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5414699W-SP Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5408699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 45A Dùng cho bếp điện, máy nước nóng Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	369.000
	WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting switch B, single pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	42.000
	WZV7841W Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7842W Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7843W Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000
	WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	25.000
	WNG159237W Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	74.000
	WZV1201W Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	61.000
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	165.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	53.000
	WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A, round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	30.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng	30.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000
	WZV7061W Mặt góc vuông dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7844W Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	31.000
	WZV7846W Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	31.000



Gen-X A-TYPE

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A TYPE



WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate

800.000



WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate

1.370.000



WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate

2.050.000



WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate

2.750.000



WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate

3.400.000



WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate

4.100.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS TYPE



WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate

670.000



WTFBP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate

1.170.000



WTFBP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate

1.750.000

MẶT ĐẶT



WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A
1 - gang, 3 - devices

490.000



WTFB6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS
1 gang, 3 devices plate

420.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X



WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal

130.000



WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

130.000



WEV2488B
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack

260.000



WEG24886B-G
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack

305.000



WEG57912B-1
Bộ điều chỉnh độ sáng cho
đèn LED có chức năng điều
chỉnh độ sáng (Max 8 đèn
LED hoặc tổng công suất
nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for
LED dimmable bulb (Max 8
LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20
cái/thùng
Thời gian đặt hàng 4 tháng

830.000



WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W

630.000



WEG57813B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
300W, 220V
Dimmer switch 220VAC 300W

560.000



WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shutter 16A - 250V

137.000



WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip

17.000

Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 3500W
Extension cord 6 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

760.000



WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB, 250VAC - 2500W
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng

740.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 3500W
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

999.000



WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 250VAC - 2500W
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng

419.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 3500W
Extension cord 5 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

830.000

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



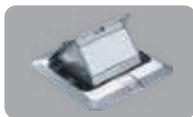
DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.080.000



DUF51200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.320.000



DU5900VT
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.

1.200.000

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

1.790.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Grounding duplex universal receptacle

860.000



DU8199HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

795.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

CHUÔNG ĐIỆN



EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888

107.000



EBG888
Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói 10 cái/thùng

184.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẦN TRẦN/BẢO CHÁY



Sản xuất tại Đài Loan

WTKF24816-VN
Sensor chính - Loại âm trần
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng đèn sợi đốt 1760W - Bóng đèn LED 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần

8A - 220V

1.580.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng đèn sợi đốt 660W - Bóng đèn huỳnh quang 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux

1.580.000



Sản xuất tại Đài Loan

WTKG2311/WTKF23113-VN
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi
Chế độ hẹn giờ tắt
10 giây - 30 phút

2.540.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2911-P
Sensor phụ - Loại âm trần
Chỉ kết nối với WTKG2411-P
Không kết nối với đèn

945.000



Sản xuất tại Nhật Bản

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi

980.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Chế độ hẹn giờ tắt 60 giây
Loại âm trần
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

1.180.000

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ



TB178

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 15A
6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút
Không có pin dự trữ
6 operations, minimum setting time is 30 min
W/o battery

620.000



TB118

SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.
Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ
6 operations, minimum setting time is 30 min
C/w battery 300 hours

998.000

TB380N2457

Pin dùng cho TB118

199.000



TB35809NE5

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 20A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Không có pin dự trữ
96 operations, minimum setting time is 15 min
W/o battery

745.000



TB38809NE7

SPST Type
220 - 240VAC, 15A
96 chế độ cài giờ
Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ 300 giờ
96 operations, minimum setting time is 15 min
C/w battery 300 hours

1.150.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground 187.000
WK2320K 250V - 20A - 3P 220.000
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground 650.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground 340.000
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground 725.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle
250V - 30A - 3P 510.000



WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground 160.000
WF2320WK 250V - 20A - 3P 200.000
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground 500.000



WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground 320.000
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground 640.000
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground 320.000



WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle
125V - 15A 270.000



WN37008
Đai kim loại
Metal - Frame 14.000



WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground 115.000
WF6320 250V - 20A - 3P 189.000
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground 470.000
Phích cắm locking/Locking Plug



WF6420 250V - 20A - 3P + Ground 220.000
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground 500.000
Phích cắm locking/Locking plug



WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P 660.000



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35.5/45.5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35.5 dia/45.5 dia 97.000



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless plate 88.000



WN3040K-8
Trạm nối đất
Grounding - terminal 90.000

CÔNG TẮC THẺ



WNH5611-801
- Công tắc thẻ (3 tiếp điểm)
- Tablet switch (3 circuits)
- 250V - 10A 1.725.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W
Phích cắm 3 chấu
Grounding plug
125V - 15A
Đóng gói 10 cái/hộp 87.000

MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	86.000
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói 12 cái/hộp 48 cái/thùng	BBD1501CNV	50		203.000
	BBD1631CNV	63		
Đóng gói 8 cái/hộp	BBD108011C/ BBD10801CHV	80	230VAC 10kA	730.000
	BBD110011C/ BBD11001CHV	100		800.000

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	438.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
Đóng gói 4 cái/hộp 16 cái/thùng	BBD3503CNV	50		654.000
	BBD3633CNV	63		
Đóng gói 2 cái/hộp	BBD308031C/ BBD30803CHV	80	400VAC 10kA	1.940.000
	BBD310031C/ BBD31003CHV	100		

	BBD2062CNV	06	240VAC 10kA	247.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
Đóng gói 6 cái/hộp 24 cái/thùng	BBD2502CNV	50	415VAC 06kA	409.000
	BBD2632CNV	63		
Đóng gói 4 cái/hộp	BBD208021C/ BBD20802CHV	80	400VAC 10kA	1.450.000
	BBD210021C/ BBD21002CHV	100		

	BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	618.000
	BBD4204CNV	20		
	BBD4254CNV	25		
	BBD4324CNV	32		
	BBD4404CNV	40		
	BBD4504CNV	50		
Đóng gói 3 cái/hộp 12 cái/thùng	BBD4634CNV	63		922.000
Đóng gói 2 cái/hộp	BBD408041C/ BBD40804CHV	80	400VAC 10kA	3.000.000
	BBD410041C/ BBD41004CHV	100		
				3.200.000

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

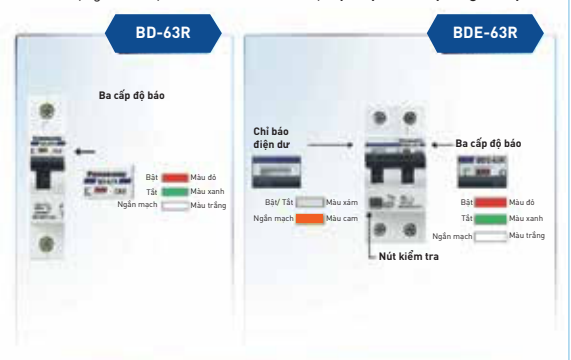
Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (U_n)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (U_c)	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20 μ s) (I_n)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20 μ s) (I_{max})	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (U_p)	≤ 1.5 kV
Thời gian phản hồi (t_A)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
Đơn giá	2.990.000



* Thay thế thiết bị SPD khi phần hiển thị màu xanh chuyển sang màu đỏ

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ **Bật điện/Tắt điện/Ngắn mạch**



Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

RCBO 2P1E	Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	587.000
	BBDE21631CNV	16			
	BBDE22031CNV	20			
	BBDE22531CNV	25			628.000
	BBDE23231CNV	32			
	BBDE24031CNV	40			
	BBDE25031CNV	50	891.000		
	BBDE26331CNV	63			

Đóng gói
6 cái/hộp
24 cái/thùng

RCBO 4P4E		Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
		BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.500.000
		BBDE43234CNV	32			
		BBDE44034CNV	40			
		BBDE45034CNV	50			1.980.000
		BBDE46334CNV	63			
Đóng gói 4 cái/thùng						

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

	Mã số Code	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBDR22530HV	25	30mA-2P	999.000
	BBDR23230HV	32		
	BBDR24030HV	40		
	BBDR26330HV	63		1.200.000

Đóng gói: 5 cái/hộp, 30 cái/thùng

	Mã số Code	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.600.000
	BBDR43230HV	32		
	BBDR44030HV	40		
	BBDR46330HV	63		2.400.000

Đóng gói: 4 cái/hộp, 16 cái/thùng

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải và ngắn mạch

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications		Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	
	BS11106TV	6	1	82.500
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	

BỘ CẦU DAO CHỐNG RÒ 2P0E - EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
 Made in Thailand	BJS3020NA2	30	1.5	15	350.000
	BJS3030NA2			30	
 Made in Japan	BJJ23030-8		2.5	30	755.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
 Made in Thailand	BJS1532S1V	15	1.5	30	490.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
 Made in Japan	BJJ23022-8	30	1.5	15	888.000
	BJJ23032-8				

ELCB-EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-MADE IN JAPAN

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
 Made in Japan	BKW2503Y	50	2.5		1.555.000
	BKW2603SKY	60	10	30	2.300.000
	BKW21003KY	100	25		3.200.000

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER - MADE IN JAPAN

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications				Đơn giá Price (VND)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)		Số cực	
			220 VAC	415 VAC		
	BBW240SKY	40	10	2.5	2P	880.000
	BBW250SKY	50				
	BBW260Y	60	5	2.5		940.000
	BBW275SKY	75	50	25	2P	1.720.000
	BBW2100SKY	100				
	BBW310Y	10	2.5	1.5		690.000
	BBW315Y	15				
	BBW320Y	20				
	BBW330Y	30				
	BBW340SKY	40	10	2.5		1.120.000
	BBW350SKY	50				
	BBW360SKY	60				
	BBW375SKY	75	50	25	3P	2.200.000
	BBW3100SKY	100				
	BBW3125SKY	125				2.870.000
	BBW3150SKY	150				3.000.000
	BBW3175KY	175				
	BBW3200KY	200				
	BBW3225KY	225				3.950.000
	BBW3250KY	250				6.300.000
	BBW3400KY	400				8.600.000

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER - IEC 60947-2

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard - Made in Malaysia

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications			Đơn giá Price (VND)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415VAC	Số cực	
	BBC3601YHV	63	10	3P	1.700.000
	BBC3100YHV	100			
	BBC31502YHV	150	25	3P	4.300.000
	BBC32001YHV	200			
	BBC3250YHV	250			

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

- Sản xuất tại Nhật Bản/ Made in Japan
- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Phù hợp với tiêu chuẩn Châu Âu EN 60947-2
- $I_{cs} = 100\% I_{cu}$

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415VAC	Số cực	
	BBC3300YHV	300	36	3P	10.600.000
	BBC3350YHV	350			
	BBC3400YHV	400			
	BBC3500YHV	500			
	BBC3600YHV	600			
	BBC3630YHV	630			
	BBC3800YHV	800			46.900.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

	Mã số	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDP104P	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDP110	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDP114	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

* Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

* Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007

**NP10250D**

- Phích cắm đơn 10A - 250V
- Chân cắm bằng đồng Ø4mm
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/ thùng

7.500**NS10250A**

- Ổ cắm đơn 10A - 250V
- Tiếp điểm bằng đồng
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/ thùng

13.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

An toàn và tiện lợi

- Vỏ bằng nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Dây điện dài 3m, cầu chì bảo vệ quá nhiệt

- Tiếp điểm bằng đồng dẫn điện tốt, độ bền cao
- Công tắc có đèn LED



NEW

NES5215-3

* Dự kiến có hàng tháng 06/2021

- Công suất 15A-220V
- Loại 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc

185.000

NEW

NES3332-3

- Công suất 15A-220V
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc

210.000

NEW

NES332U-3

- Công suất 15A-220V, USB 2.1A
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc

285.000

NEW

NES3320-3

- Công suất 20A-220V
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Dùng cho nồi lẩu, bếp điện

205.000

CÔNG TẮC THẺ

**NCS7001**

- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

800.000

DIMMER


NDF603F/ NDL603F-Full
NDF603W/ NDL603W-Wide
FDL603FW-Full
FDL603W-Wide

- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/dộ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500
NDL903F-Full/ NDL903W-Wide
FDL903FW-Full

- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn
- Dimmer for incandescent lamp 220VAC - 1000W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000

CẦU CHÌ


NF101F-Full/ NF101W-Wide
FF102F-Nano-Full/ FF102W-Nano-Wide

- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800

ĐÈN BÁO


N302WF-Nanoco-Full
N302WW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000
N302GF-Nanoco-Full
N302GW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000
N302RF-Nanoco-Full
N302RW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

- Đèn báo màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB

HỘP NỔI DÂY



NS80

- Đai sắt dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
- Frame for HB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



NN81

- Đai nhựa dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
- Frame for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

4.000



NHB9801

- Hộp nối dùng cho HB
- Mounting surface plate for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

8.000



NBD9802

- Hộp nối dùng cho CB 2 tếp
- Mounting surface plate for MCB 2P
- Kích thước: 121x54x69.47mm
- Đóng gói 30 cái/thùng

18.000



NPA10050V

- Hộp nối dây 100x100x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

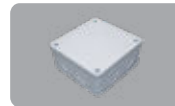
22.000



NPA12050V

- Hộp nối dây 120x120x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

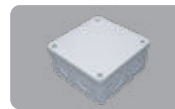
27.000



NPA15055V

- Hộp nối dây 150x150x55mm
- Wiring box
- Đóng gói 20 cái/thùng

39.000



NPA20065V

- Hộp nối dây 200x200x65mm
- Wiring box
- Đóng gói 10 cái/thùng

68.000



NPA103V

- Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
- Round junction box
- Đóng gói 60 cái/thùng

12.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI

MẶT THIẾT BỊ



NBD200

- Hộp âm cho CB tếp
- Wiring box for MCB
- Kích thước: 115x66x58mm
- Đóng gói 20 cái/thùng

9.000



NA101

- Hộp âm nhựa trắng, đơn
- Wiring box - 1 gang
- Kích thước: 106x64x43mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200



NA102

- Hộp âm đôi
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 109x103x44mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

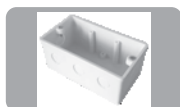
10.500



NA105

- Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box - BS Standard
- Kích thước: 80x80x42.5mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

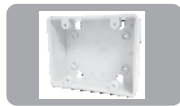
6.200



NA106

- Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu
- (Dùng cho WEB1051W)
- Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
- Kích thước: 135x75.6x58mm
- Đóng gói 40 cái/thùng

18.000



NPCA104

- Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 131x106x42.5mm
- Đóng gói 50 cái/thùng

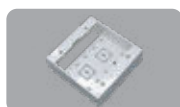
10.500



NN101F/ NN101W-Wide

- Hộp nối đơn
- Surface box
- Kích thước: 120x70x35mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

10.500



NN102F- Full/ NN102W-Wide

- Hộp nối đôi
- Duplex surface box
- Kích thước: 120x115x35mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

16.000



NBD101W

- Mặt dùng cho 1 CB tếp
- Plate for 1p MCB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



NB9601

- Nắp kín đơn
- Wiring box lid - 1 gang
- Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602

- Nắp kín đôi
- Wiring box lid - 2 gang
- Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N

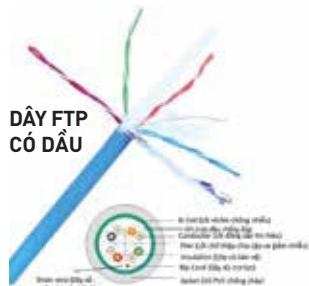
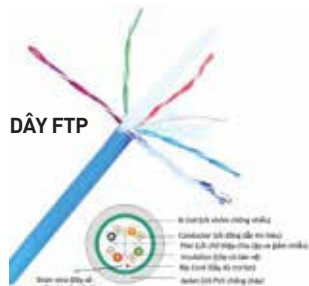
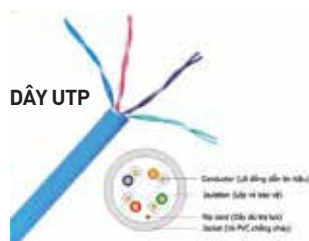
- Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box lid - BS Standard
- Đóng gói 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000



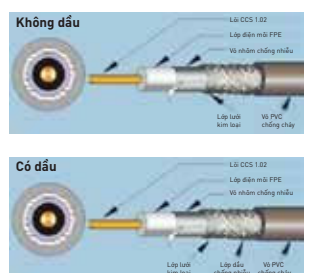
Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nối, hộp nối dây đều có kèm vít

DÂY CÁP MẠNG



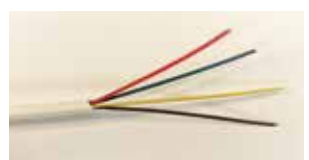
Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trọng lực	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.51 CCA	PE 0.91	Có	PVC 5.1	770.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.51 CCA	PE 1.00	Có	PVC 5.1	970.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.750.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 24 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.250.000
NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, có dấu, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh /trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.150.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.56 CCA	PE 1.02	Có	PVC 6	1.050.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 CCA	PE 1.00	Có	PVC 6.6	1.350.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.550.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.000.000
NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dấu - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh /trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.000.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	680.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	800.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - có dấu Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	1.000.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	0.5 CCA	PVC	PVC	480.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

Made in Taiwan



FKPT10	10YDS	68.000/cây
FKPT20	20YDS	118.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010
IEC61386_1:2008
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 + A11:2010



Ống luồn dây điện dạng tròn

Mã số	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
FPC16L	Ø16	1.2 ± 0.1	320	50	19.000
FPC20L	Ø20	1.45 ± 0.1	320	50	25.000
FPC25L	Ø25	1.55 ± 0.1	320	25	36.000
FPC32L	Ø32	1.8 ± 0.1	320	20	57.000
FPC16	Ø16	1.4 ± 0.1	750	50	21.000
FPC20	Ø20	1.55 ± 0.1	750	50	28.000
FPC25	Ø25	1.65 ± 0.1	750	25	40.000
FPC32	Ø32	2.0 ± 0.1	750	20	62.000
FPC16H	Ø16	1.6 ± 0.1	1250	50	26.500
FPC20H	Ø20	1.9 ± 0.1	1250	50	35.000
FPC25H	Ø25	2.0 ± 0.1	1250	25	50.000
FPC32H	Ø32	2.2 ± 0.1	1250	20	95.000
FPC40H	Ø40	2.4 ± 0.1	1250	10	125.000
FPC50H	Ø50	2.7 ± 0.1	1250	10	165.000

Ghi chú: Chiều dài 2.92m/cây.

Nẹp luồn dây điện dạng vuông (Sản phẩm đạt tiêu chuẩn IEC61084-2-1:1996)

Mã số	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0.7 ± 0.1	1.7	50	8.600
NNV1720	20x10	0.7 ± 0.1	1.7	50	10.800
NNV1725	25x14	0.9 ± 0.1	1.7	50	16.500
NNV1730	30x16	1.0 ± 0.1	1.7	50	20.000
NNV1740	40x18	1.2 ± 0.1	1.7	25	31.000
NNV1750	50x35	1.4 ± 0.1	1.7	10	66.000
NNV1760	60x40	1.5 ± 0.1	1.7	6	84.000
NNV1780	80x60	1.7 ± 0.1	1.7	6	136.000
NNV17100	100x60	1.8 ± 0.1	1.7	6	199.000
NNV2015	15x9	0.7 ± 0.1	2.0	50	10.000
NNV2020	20x10	0.7 ± 0.1	2.0	50	12.800
NNV2025	25x14	0.9 ± 0.1	2.0	50	19.800
NNV2030	30x16	1.0 ± 0.1	2.0	50	23.600
NNV2040	40x18	1.2 ± 0.1	2.0	25	36.300
NNV2050	50x35	1.4 ± 0.1	2.0	10	79.000
NNV2060	60x40	1.5 ± 0.1	2.0	6	99.000
NNV2080	80x60	1.7 ± 0.1	2.0	6	157.000
NNV20100	100x60	1.8 ± 0.1	2.0	6	236.000

Nắp dây hộp nối tròn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
NPA2620	Nắp dây hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1,500 cái/thùng	2.000
NPA2720F	Nắp dây hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.300

Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
PVC FRG16W	16mm [50m/cuộn]	150.000
FRG20W	20mm [50m/cuộn]	205.000
FRG25WS	25mm [40m/cuộn]	225.000
FRG32WH	32mm [25m/cuộn]	260.000
PVC FRG16G	16mm [50m/cuộn]	180.000
FRG20G	20mm [50m/cuộn]	255.000
FRG25GS	25mm [40m/cuộn]	275.000
FRG32GH	32mm [25m/cuộn]	270.000
HDPE FRG16PE	16mm [50m/cuộn]	175.000
FRG20PE	20mm [50m/cuộn]	250.000
FRG25PE	25mm [40m/cuộn]	265.000
FRG32PE	32mm [25m/cuộn]	285.000

* Dự kiến có hàng tháng 5/2021

Khớp nối trơn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói 100 cái/thùng, từ lô sản xuất T4/2021	800
NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.100
NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.800
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.300
FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	8.700
FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	12.000

Đầu và khớp nối ren

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1,200 cái/thùng	3.100
NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1,000 cái/thùng	3.300
NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	3.800
NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.000

Kẹp đỡ ống

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Giá
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao 3,000 cái/thùng	900
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao 3,000 cái/thùng	1.100
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao 2,000 cái/thùng	1.900
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.800
FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	4.700

*Giá bán đã bao gồm VAT

T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16. Đóng gói: 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20. Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25. Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32. Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40. Đóng gói 10 cái/bao	13.500
FPA0450	T nối cho ống Ø50. Đóng gói 10 cái/bao	16.000

T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20. Đóng gói 25 cái/bao	9.000
FPA0425C	T nối có nắp Ø25. Đóng gói 10 cái/bao	14.000
FPA0432C	T nối có nắp Ø32. Đóng gói 10 cái/bao	17.000

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32. Đóng gói 30 cái/thùng	10.000

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16. Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20. Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25. Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32. Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40. Đóng gói 20 cái/bao	12.000
FPA0350	Co cho ống Ø50. Đóng gói 15 cái/bao	16.500

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20. Đóng gói 50 cái/bao	5.500
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25. Đóng gói 40 cái/bao	9.700
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32. Đóng gói 20 cái/bao	15.000

Đầu nối ống mềm PVC



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16. Đóng gói 100 cái/bao	11.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20. Đóng gói 100 cái/bao	15.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25. Đóng gói 50 cái/bao	22.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32. Đóng gói 50 cái/bao	35.000

Đầu giảm



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16. Đóng gói 100 cái/bao	1.600
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20. Đóng gói 100 cái/bao	2.400
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25. Đóng gói 50 cái/bao	3.900
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32. Đóng gói 40 cái/bao	7.700
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40. Đóng gói 30 cái/bao	9.700

Lò xo uốn ống



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M/M2	Lò xo uốn ống Ø16	50.000
FLXU016L/L2	Lò xo uốn ống Ø16	
FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20	75.000
FLXU020L/L2	Lò xo uốn ống Ø20	
FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25	87.000
FLXU025L/L2	Lò xo uốn ống Ø25	
FLXU032M/M2	Lò xo uốn ống Ø32	130.000
FLXU032L/L2	Lò xo uốn ống Ø32	

**Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N*

Kẹp ống không đế Omega - Đóng gói 100 cái/bao



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NDI16012	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø20	3.000
NDI16034	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø25	3.500
NDI16100	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø32	5.000
NDI16114	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø40	6.500
NDI16112	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø50	8.000

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Phích cắm cao su di động không kín nước
Plug (Splashproof)**F0511 - S**

- Rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44

81.000**F0511 - SR**

- Rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP54

81.000**F0512 - S**

- Solid rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44, chịu va đập

113.000**F0512 - SR**

- Solid rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP54, chịu va đập

113.000**F2510 - S**

- Rubber connector (Splashproof)
- ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20

82.000**F2510 - SR**

- Rubber connector (Splashproof)
- ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20

82.000**F1050 - 0B**

- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54

**F105 - 0B**

- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54

**68.000****F106 - 0**

- Mouting box (Splashproof IP44)
- Đế nối cho ổ cắm âm không kín nước

88.000Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44)
Mutiple-socket outlet (Splashproof IP44)**F9432006**

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000**F9432000**

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000**F9430401**Bộ chia ổ cắm PCE
16A 3P 230V**1.000.000**Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67)
Switched interlocked sockets (Watertight IP67)**F61132 - 6**

16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.600.000**F61252 - 6**

32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.790.000**F75252-6**

32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

Dây điện áp hoạt động	Mã màu sản phẩm
20 - 25V	Tím
40 - 50V	Trắng
100 - 130V	Vàng
200 - 250V	Xanh dương
380 - 480V	Đỏ
500 - 1000V	Đen
>50V (100 - 500Hz)	Xanh lá
Không thuộc những dây điện áp trên	Xám

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)
Plug (Splashproof IP44)**F013 - 6ECO**

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000**F014 - 6**

16A - 4P - 400V - 6H - IP44

100.000**F015 - 6**

16A - 5P - 400V - 6H - IP44

112.000**F023 - 6**

32A - 3P - 230V - 6H - IP44

125.000**F024 - 6**

32A - 4P - 400V - 6H - IP44

132.000**F025 - 6**

32A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44)
Connector (Splashproof IP44)**F213 - 6ECO**

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000**F214 - 6**

16A - 4P - 400V - 6H - IP44

125.000**F215 - 6**

16A - 5P - 400V - 6H - IP44

155.000**F223 - 6**

32A - 3P - 230V - 6H - IP44

152.000**F224 - 6**

32A - 4P - 400V - 6H - IP44

175.000**F225 - 6**

32A - 5P - 400V - 6H - IP44

222.000Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44)
Wall socket (Splashproof IP44)**F113 - 6**

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

135.000**F114 - 6**

16A - 4P - 400V - 6H - IP44

165.000**F115 - 6**

16A - 5P - 400V - 6H - IP44

175.000**F123 - 6**

32A - 3P - 230V - 6H - IP44

187.000**F124 - 6**

32A - 4P - 400V - 6H - IP44

197.000**F125 - 6**

32A - 5P - 400V - 6H - IP44

211.000Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (Splashproof IP44)**F313 - 6**

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

140.000**F314 - 6**

16A - 4P - 400V - 6H - IP44

156.000**F315 - 6**

16A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000**F323 - 6**

32A - 3P - 230V - 6H - IP44

175.000**F324 - 6**

32A - 4P - 400V - 6H - IP44

180.000**F325 - 6**

32A - 5P - 400V - 6H - IP44

207.000Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (Splashproof IP44)**F413 - 6**

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

157.000**F414 - 6**

16A - 4P - 400V - 6H - IP44

185.000**F415 - 6**

16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000**F423 - 6**

32A - 3P - 230V - 6H - IP44

245.000**F424 - 6**

32A - 4P - 400V - 6H - IP44

270.000**F425 - 6**

32A - 5P - 400V - 6H - IP44

295.000

**Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)**

	F0132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	265.000
	F0142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	280.000
	F0152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
	F0232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F0242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	345.000
	F0252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	365.000
	F033 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	740.000
	F034 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	760.000
	F035 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	785.000
	F043 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.420.000
	F044 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.670.000
	F045 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.910.000
	F0822 - 10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	282.000

**Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)**

	F2132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
	F2142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	310.000
	F2152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
	F2232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	400.000
	F2242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	410.000
	F2252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	445.000
	F233 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	890.000
	F234 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	910.000
	F235 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	930.000
	F243 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.950.000
	F244 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.060.000
	F245 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.210.000
	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	353.000

**Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)**

	F1132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	407.000
	F1142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
	F1152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	515.000
	F1232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	550.000
	F1242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	590.000
	F1252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	625.000
	F133 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	980.000
	F134 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.080.000
	F135 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.180.000
	F143 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.400.000
	F144 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
	F145 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.700.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)**

	F3132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F3142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	375.000
	F3152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	400.000
	F3232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	F3242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
	F3252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
	F333 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	590.000
	F334 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F335 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
	F343 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.570.000
	F344 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.680.000
	F345 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.780.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)**

	F4132 - 6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
	F4142 - 6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
	F4152 - 6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	275.000
	F4232 - 6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	F4252 - 6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
	F433 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F433 - 6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F434 - 6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F435 - 6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
	F443 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.520.000
	F444 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.670.000
	F445 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.860.000

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket
(Watertight IP67)**

	F0242 - 3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	272.000
	F1242 - 3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	795.000
	F2242 - 3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	390.000
	F3242 - 3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	460.000

Bộ tủ điện phân phối

	NDB313-232	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm <i>Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng</i>	875.000
	NDB313	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	590.000

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY** làm để **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**

NPA20065V

[*] Tham khảo thêm các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 17

nanoco Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)

	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	240.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	250.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	285.000
	NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	300.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	300.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	310.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	355.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	370.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	345.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	360.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	400.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	420.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15TGU1	10	240	35	15	21.7	790.000
FV-20CUT1	23	438	40.5	27	27	890.000
FV-25TGU5	26.5	612	39	38	31.5	990.000

QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ (cm)	
FV-10BAT1	15	80	40	16x21	1.980.000

Sử dụng cho nhà tắm

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước khoét lỗ tròn (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGS1	5.5	75	35	12	20	770.000
FV-15EGS1	6.2	150	36	16.5	24	930.000

Sử dụng cho nhà tắm, có lưới chắn côn trùng, kháng nước IPX4

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước khoét lỗ tròn (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGF1	5.5	75	31	13.5	10	950.000
FV-15EGF1	6.2	155	33	18	10	1.190.000

Quạt hút dùng riêng cho nhà bếp

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.510.000

- Nắp đáy dạng lưới bằng nhôm không dính nước (Dầu sẽ đọng lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

Ốp vách kính

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước khoét lỗ tròn (cm)	Chiều sâu lỗ kính (mm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	3-7	940.000
FV-20WU4	16	360	32	24	3-7	1.210.000

- Đường kính lỗ kính 17.7cm / 23.8 cm

Chức năng thông gió và sưởi ấm

FV - 27BV1

- Kích thước lắp đặt 270x 270mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Điều khiển bằng công tắc

5.990.000



	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,300	150	46
Thông gió	21		42

Chức năng thông gió, sưởi ấm, có remote

FV-30BG3

- Kích thước lắp đặt 300x 300mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

10.400.000



	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,500	170	46
Thông gió	28		39

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL	12.5	255	36	16	20	980.000



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20AL9	20	546	40	34	25	1.000.000
FV-25AL9	27	835	43	52	30	1.105.000
FV-30AL7	31	930	43	58	35	2.220.000

Loại 2 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20RL7	20	546	39	34	25	1.600.000
FV-25RL7	29	840	43	54	30	1.960.000
FV-30RL6	31	990	44	61	35	2.300.000

Loại 1 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20AU9	20	580	38	36	25	800.000
FV-25AU9	27	920	39	57	30	905.000
FV-30AU9	31	1,150	39	74	35	1.470.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP

FV-25GS4	39	1,100	34	27.5	4.450.000
FV-30GS4	59	1,800	38	32.5	6.150.000
FV-35GS4	88	2,670	44	39.5	7.550.000
FV-40GS4	161	3,780	47	44.5	9.600.000
FV-45GS4	227	5,400	51	50	15.700.000

Made in Japan

(*) Tham khảo thêm dòng **Quạt hút Cabinet** (trang 18) độ ồn thấp, sử dụng cho văn phòng.

Thiết bị phát ion - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng Nanoe-X

Model	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích sử dụng (m ²)	Kích thước cửa lỗ (mm)	
FV-15CSD1	4	15	23.5	20	150	6.900.000



nanoeX
Công nghệ
NanoeX



Khử mùi

Kháng khuẩn/
ngừa virus

Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Cao	10	133	26
Thấp	3	42	20



Động cơ DC



Lọc bụi mịn PM 2.5

FV-01NAP1

- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

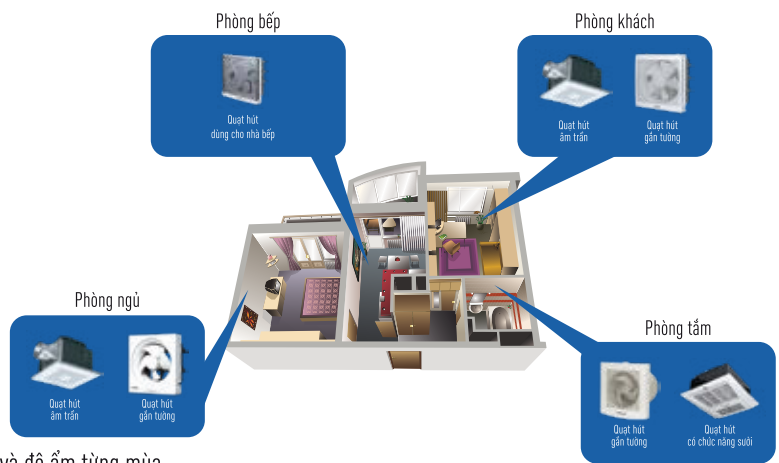
12.500.000

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc,...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu cho phòng ngủ vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp: 20 dB
- Động cơ DC tiết kiệm điện lên tới 35%
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000 giờ
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- 3 cấp độ lưu lượng gió phù hợp với yêu cầu thông thoáng khí và độ ẩm từng mùa



QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ						
FV-17CU8	7.5	85	23	5	17.7	2.305.000
FV-24CU8	10.5	140	25	9	24	2.860.000
FV-24CD8	13.5	170	28.5	11	24	2.950.000
FV-24CH8	16.5	200	32	12	24	3.095.000



Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ						
FV-27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	20	27	4.550.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34			
FV-32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	27	32	6.100.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36			
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	33	32	6.650.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41			
FV-38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	40	38.5	8.300.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44			
FV-38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	49	38.5	9.000.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50			



Dòng quạt hút có sensor

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ						
FV-24CUR1	11	140	25	9	24	4.100.000
FV-24CHR1	17	200	32	12	24	4.300.000

*Sensor chuyển động

FV-24CURV1	11	140	25	9	24	5.500.000
FV-24CHRV1	17	200	32	12	24	5.700.000

*Sensor chuyển động & độ ẩm



Dòng quạt hút có sensor

Động cơ DC, vận hành cực êm, dùng với ống dẫn Ø100mm

FV-24JR2	3.6	80	20	10	24	5.000.000
	5.2	120	26			
	8	160	31			

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã số	Cấp độ	W	CMH	dB	S (m²)	D (mm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	11	Ø100	3.100.000
	Low	17	145	17			
FV-15NS3	Hi	33	340	25	21	Ø150	4.100.000
	Low	29.5	275	22			
FV-18NS3	Hi	60	500	29	31	Ø150	4.900.000
	Low	55	405	27			
FV-18NF3	Hi	91	770	31	48	Ø200	5.990.000
	Low	80	620	29			
FV-20NS3	Hi	120	920	32	57	Ø200	7.400.000
	Low	113	720	29			
FV-23NL3	Hi	230	1200	40	74	Ø200	8.990.000
	Low	170	900	34			
FV-25NS3	Hi	345	1700	41	105	Ø250	11.900.000
	Low	265	1380	38			
FV-25NF3	Hi	390	1900	43	117	Ø250	13.600.000
	Low	325	1600	40			
FV-28NX3 (3 pha - 1 cấp độ)		600	2600	44		Ø250	19.900.000



Tạo luồng gió lớn (Đối diện với động cơ)

Đường dẫn lưu lượng lớn

Áp suất tĩnh cao (Phía động cơ)

Kích thước cánh lớn

Mạnh mẽ với luồng gió kép

Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên

Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra

Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Nắp kim loại

Hộp kết nối được đặt ở cuối thiết bị

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT HÚT
nanoco

100%

ĐỘNG CƠ DÂY ĐỒNG

Mạnh mẽ, bền bỉ đem lại hiệu suất sử dụng cao





ĐỘNG CƠ BẠC ĐẠN TUỔI CAO
Sử dụng bạc đạn chất lượng cao giúp cho việc hoạt động lâu dài, bền bỉ.



TIẾT KIỆM ĐIỆN
Tiết kiệm chi phí khi sử dụng quạt hút.



LƯU LƯỢNG GIÓ MẠNH VÀ LIÊN TỤC
Lưu lượng gió cực mạnh giúp cho không gian phòng trở nên thông thoáng và trong lành.



VẬN HÀNH ÊM ẪI
Hạn chế tiếng ồn giúp không gian sống trở nên yên tĩnh hơn.



CẦU CHÌ BẢO VỆ QUẢ NHIỆT
Bảo vệ an toàn cho thiết bị cũng như cho người dùng.

QUẠT HÚT TREO TƯỜNG 1 CHIỀU



NWV1520

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 4.2 m³/phút
- Kích thước lỗ khoét: 200x200mm

570.000



NWV2020

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 9.5m³/phút
- Kích thước lỗ khoét: 250x250mm

620.000



NWV2520

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 31W
- Đường kính cánh: 25cm
- Lưu lượng gió: 14.8m³/phút
- Kích thước lỗ khoét: 300x300mm

670.000



Quạt hút Nanoco

Mang đến không gian thoải mái, thoáng mát

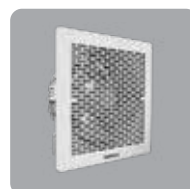
QUẠT HÚT ÂM TRẦN KHÔNG CÓ ỐNG DẪN



NCV1520

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 4.2 m³/phút
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm

520.000



NCV2020

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 9.5m³/phút
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm

570.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN CÓ ỐNG DẪN



NCV1520-C

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 1.5 m³/phút
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Kích thước ống dẫn: Ø100mm

550.000



NCV2020-C

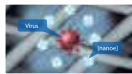
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 18W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 3.2m³/phút
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Kích thước ống dẫn: Ø125mm

600.000

CÔNG NGHỆ NANOTM


KHÁNG KHUẨN/NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (HINI) (*) và (H5NI) (*)
- Diệt 99.9% VI KHUẨN (E. Coli O157, MRSA-H)



Bao vây virus và vi khuẩn



Vỏ hiệu quả virus và vi khuẩn



KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi



Phân rã và loại bỏ mùi



GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.


Tiết kiệm điện 50% (*)
So sánh với chế độ tự động

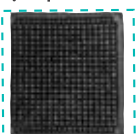
TẮM LỌC KHÍ

Tắm lọc khí tích hợp


Chỉ vệ sinh khi
tránh tiếp xúc với nước

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Allergu-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Vô hiệu hóa Virus



Vô hiệu hóa Vi khuẩn

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI



F-GPT01A-K (Màu đen)

F-GPT01A-R (Màu đỏ)

- Lưu lượng gió: 0.07 m³/phút
- Phạm vi sử dụng: 3m³
- Độ ồn (MSK): 36dB
- Công suất: 3.5W
- Dây cáp sạc: Micro USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1.5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66xØ90xH170 mm
- Khối lượng: 0.4 kg

4.050.000

LƯU Ý

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: Phòng tắm,...)
- Điều kiện để phát nanoTMX:
 - Nhiệt độ phòng: khoảng 5 - 40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn)
 - Độ ẩm: Khoảng 30 - 85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa)

Thông số kỹ thuật

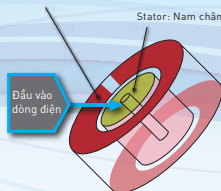
	F-VXK70A	F-PXM55A	F-PXT50A	F-PXL45A	F-PXM35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
Thông số kỹ thuật	F-VXK70A	F-PXM55A	F-PXT50A	F-PXL45A	F-PXM35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m³/min) - hi	6.7	5.3	5	4.5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	49	29	42	20	30	24
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	47	52	44	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m²)]	52	42	36	33	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe TM	nanoe TM	nanoe TM	nanoe TM	nanoe TM	nanoe TM	—
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	—	HEPA
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi	—
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	●	—	—	—
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbo	●	●	—	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	—	●	●	●	●
- Chế độ báo thay bộ lọc	●	●	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	—	—	—	—	●
- Kích thước [C x R x S] [mm]	636x398x265	580x300x205	550x340x208	516x404x235	520x300x189	540x311x210	310x385x152
- Chế độ Econavi	●	●	—	●	—	—	—
- Điều khiển bằng remote	—	—	—	●	—	—	—
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	10 năm	10 năm	4 năm	3 năm	3 năm	2 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp]	1.700.000	1.690.000	2.400.000	1.350.000	1.100.000	750.000	1.150.000
- Giá bộ lọc [Khử mùi]	800.000	750.000	Hỗn hợp + khử mùi	800.000	600.000	500.000	Hỗn hợp + khử mùi

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức thu điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC).

Động cơ điện một chiều (DC)

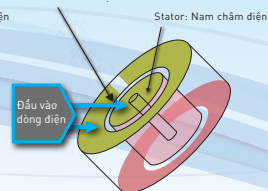
Rotor: Nam châm vĩnh cửu



Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

Động cơ điện xoay chiều (AC)

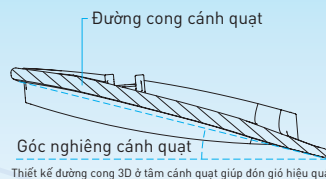
Rotor: Nam châm điện



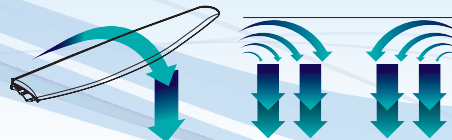
Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.



Thiết kế đường cong 3D ở tâm cánh quạt giúp đón gió hiệu quả.



! Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch



Ảnh sáng trắng



Ảnh sáng ban ngày



Ảnh sáng vàng



Ảnh sáng vàng dịu



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm
Đèn LED có 4 chế độ sáng

F-60UFN

- Công suất 59W (motor: 37W, đèn: 22W)
- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

12.130.000



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.130.000



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

F-60XDN (Màu đen)

F-60XDN-W (Màu trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.820.000



Đường kính cánh 150cm

F-60TDN (Chiều dài ti:28.8cm)

F-60TDN-S (Chiều dài ti:21cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.770.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi giỡng sét.



Đường kính cánh 180 cm

F-70ZBP (Chiều dài ti: 40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

16.800.000



Đường kính cánh 200 cm

F-80ZBR (Chiều dài ti: 40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

18.400.000



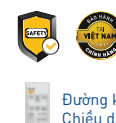
Đường kính cánh 150 cm

F-60WWK (Chiều dài ti: 31.8cm)

F-60WWK-S (Chiều dài ti: 22.5cm)

- Công suất 76W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 7 cấp độ gió, lưu lượng gió 220m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.770.000



Đường kính cánh 140 cm
Chiều dài ti 29.2 cm

F-56XPG (Màu đen)

F-56XPG-W (Màu trắng)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 191m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.520.000



Đường kính cánh 140 cm
Chiều dài ti 31.7 cm

F-56MPG-GO (Màu vàng ánh kim)

F-56MPG-S (Màu bạc)

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.170.000



Đường kính cánh 140 cm

F-56MZG-GO Màu vàng ánh kim, chiều dài ti 40 cm

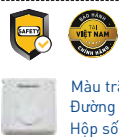
F-56MZG-GOS Màu vàng ánh kim, chiều dài ti 23 cm

F-56MZG-S Màu bạc, chiều dài ti 40 cm

F-56MZG-SS Màu bạc, chiều dài ti 23 cm

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.170.000



Màu trắng viền vàng
Đường kính cánh 150 cm
Hộp số loại nổi

F-60M22-MS Màu trắng, chiều dài ti 9 inch (22.8 cm)

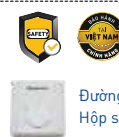
F-60M22-S Màu trắng, chiều dài ti 12 inch (30.4 cm)

F-60M22 Màu trắng, chiều dài ti 18 inch (45.7 cm)

F-60M22-L Màu trắng, chiều dài ti 22 inch (55.8 cm)

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút

1.480.000



Đường kính cánh 150 cm
Hộp số loại nổi

F-60M22-KMS Màu đen, chiều dài ti 9 inch (22.8 cm)

F-60M22-KS Màu đen, chiều dài ti 12 inch (30.4 cm)

F-60M22-K Màu đen, chiều dài ti 18 inch (45.7 cm)

F-60M22-KL Màu đen, chiều dài ti 22 inch (55.8 cm)

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút

1.480.000

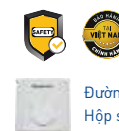


Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 14 cm

F-48CZL

- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 3 cấp độ gió, công suất 55W
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 160m³/phút
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Có điều khiển từ xa

4.390.000



Đường kính cánh 140 cm
Hộp số loại nổi

F-56NCL Màu đồng cổ điển, chiều dài ti 18 inch (45.7cm)

F-56NCL-S Màu đồng cổ điển, chiều dài ti 12 inch (30.4cm)

- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, công suất 70W
- Lưu lượng gió 220 m³/phút

2.100.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi giông sét.

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



F-409KB (Màu xanh)
F-409KBE (Màu beige)
F-409KMR (Màu đỏ)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 128cm - 143cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

3.750.000



F-407WGO (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 134 - 157cm
- Công suất 53.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.060.000



F-308NHB (Màu xanh)
F-308NHP (Màu hồng)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 91cm - 105cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 40m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

3.720.000



F-307KHB (Màu xanh)
F-307KHS (Màu bạc)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 66 - 85cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 50.7m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Mạng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

2.600.000

QUẠT BÀN - Desk fan



F-400CB (Màu xanh)
F-400CI (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 48W
- Lưu lượng gió 75m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.420.000



F-409QB (Màu xanh)
F-409QG0 (Màu vàng)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 45W
- Lưu lượng gió 79m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.000.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



Thiết kế AN TOÀN

Lưu lượng gió
100M³/PHÚT

Vận hành êm ái
KHÔNG GÂY TIẾNG ỒN



F-50YUZ (Màu đen)

- Đường kính quạt 50cm
- Công suất 53 ~ 63W
- Lưu lượng gió 100m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.080.000



F-409MB (Màu xanh)
F-409MG (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

2.640.000



F-409UB (Màu xanh)
F-409UG0 (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 47.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.130.000

QUẠT ĐẢO - Cycle Fan



NOF1603G-RC (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 88.6m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Chức năng hẹn giờ
- Có remote

900.000



NOF1609 (Màu xám trắng)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 68.5m³/min
- Motor dây đồng
- 3 cấp độ gió

640.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



NWF1604G (Màu xám)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 66.9m³/min
- Motor dây đồng
- 3 cấp độ gió

560.000



NWF1606 (Màu đen cam)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 60.1m³/min
- Motor dây đồng
- 3 cấp độ gió

590.000

QUẠT ĐỨNG - Stand Fan

Quạt đứng cơ



NSF1601G (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 88.6m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

780.000

QUẠT BÀN



NTF1207G (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 30cm
- Công suất 40W
- Lưu lượng gió 37.5m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

580.000

QUẠT SẠC GẤP GỌN - Rechargeable Fan



NFF1617W (Màu trắng)

NFF1617P (Màu hồng)

- Quạt có thể gấp gọn
- Chất liệu hợp kim nhôm và nhựa ABS
- Kích thước xếp (mm): 197 x 197 x 93
- Kích thước mở (mm): 197 x 197 x 975
- Nguồn điện 5V - Pin 3.7V 7200 mAh
- Thời gian sử dụng: 5 - 24 tiếng (Tùy vào điều kiện sử dụng)
- Độ ồn: 30 - 40 dBA

820.000

Quạt đứng cơ có remote



NSF1602G-RC (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 88.6m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Chức năng hẹn giờ
- Có remote

1.100.000

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25°C, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20°C

MADE IN MALAYSIA

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RL2VH

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

2.990.000



DH-4RL1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.300.000



DH-4MS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.600.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NS3VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.900.000



DH-4NS3VS

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.100.000

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RP2VK

- Công suất: 3.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.990.000



DH-4RP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Bơm bảo hành 5 năm
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.200.000



DH-4MP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.500.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.800.000



DH-4NP1VS

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

6.000.000



DH-4NTP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới với vỏ công thanh lịch, sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ nước đầu ra vòi sen**
- Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.900.000



MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP



THẾ HỆ
MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP
HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI



AN TOÀN TUYỆT ĐỐI - TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Hiệu suất vượt trội

Không có Thanh Magie

Ruột bình làm từ thép không gỉ*

Vật liệu Sản xuất tại Nhật Bản

7

WARRANTY

STORAGE TANK

HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

- Ruột bình được làm từ thép không gỉ sản xuất tại Nhật Bản
- Không có thanh magie

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

- Vỏ máy được làm từ vật liệu chống cháy
- Chống nước đạt tiêu chuẩn IPX4
- Tích hợp cầu dao chống rò rỉ điện ELB
- Tự động ngắt điện khi nhiệt độ đạt 75°C

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

- Giúp nhiệt tức thời tiết kiệm Styrofoam
- Tiết kiệm điện năng lên đến 10%
- Công nghệ đun nóng cao cấp

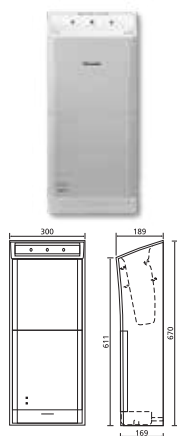
THIẾT KẾ NHỎ GỌN

- Cấp độ dễ dàng với cả không gian nhỏ và chật hẹp

Mã sản phẩm		DH-15HBMVW	DH-20HBMVW	DH-30HBMVW
		4.290.000	4.490.000	4.990.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30
	Điện vào (V)	220	220	220
	Công suất (kW)	2.5	2.5	2.5
	Áp lực nước [tối đa] (Mpa)	0.75	0.75	0.75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75
Thân máy	Thời gian đun sôi [xấp xỉ] (phút)	30	40	60
	Màu	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo đang đun nước	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10
	Kích thước [Cao x Rộng x Sâu] (mm)	323x437x310	323x526x310	323x704x310
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật
	Thanh đốt	Đồng	Đồng	Đồng
	Chống nước	•	•	•
	Vật liệu cách điện	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam
	Đầu nước vào - đầu nước ra	Đồng	Đồng	Đồng
An toàn	Tích hợp sẵn ELB chống giật	•	•	•
	Tự động ngắt nhiệt	•	•	•
	Ruột bình bằng thép không gỉ	•	•	•
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4	IPX4	IPX4
	Cấu trúc cách điện	•	•	•
Xuất xứ	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•	•	•
		Malaysia	Malaysia	Malaysia

*Khuyến cáo lắp đặt: Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

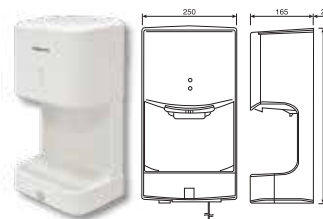
MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer



FJ - T10T1

- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
- Công suất 1250W
- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
- Chế độ gió thường và gió nóng
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (High/Low), độ ồn 59dB
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
- Đèn LED tín hiệu
- Tiết kiệm điện hiệu quả

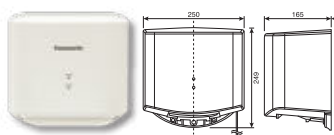
19.500.000



FJ - T09A3 (Có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.050.000



FJ - T09B3 (Không có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP-129JXX-SV5

(Dây điện 12.5cm)

GP-129JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m

1.500.000

1.520.000



GP-200JXX-SV5

(Dây điện 12.5cm)

GP-200JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng

1.910.000

1.930.000



GP-250JXX-SV5

(Dây điện 20cm)

GP-250JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng

3.030.000

3.050.000



GP-350JA-SV5

(Dây điện 30cm)

GP-350JA-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 45m
- Mô tơ dây đồng

4.490.000

4.510.000



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát



Sử dụng máy bơm khi kéo dẫn ống nước chưa khò hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm



MÁY BƠM TĂNG ÁP



A-130JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m

2.150.000



A-200JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.500.000



A-130JACK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.590.000



A-130JTX

(Tính năng tạo bọt khí)

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 25m
- Mô tơ dây đồng

3.710.000



GA-125FAK

(Dây điện 125cm)

- Bơm tăng áp mạch điện tử
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút

2.870.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



Công suất (W)

Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)

Chiều sâu hút (m)

Độ cao hút đẩy tối đa (m)

Mô tơ dây đồng

Giá bán

GP-10HCN1SVN

740W

10-99

9

34-25

●

5.380.000

GP-15HCN1SVN

1110W

30-145

9

38.7-22

●

7.210.000

GP-20HCN1SVN

1480W

30-154

9

46.2-26

●

8.350.000

Máy bơm Panasonic

Công Nghệ NHẬT BẢN

Chất Lượng HÀNG ĐẦU

BÀN CHAY SỐ 1
Tại Việt Nam

Thương hiệu được công nhận bởi GPEC (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) tại 5 thành phố lớn và 10 tỉnh thành tại Việt Nam

HIỆU SUẤT MẠNH MẼ - VẬN HÀNH BỀN BỈ

- Vận hành êm ái, tuổi thọ cao
- Tiết kiệm điện năng
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

MÁY BƠM NƯỚC NÓNG TĂNG ÁP ĐIỆN TỬ



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút / xả (mm)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NSP128-A	128W	30	32/32	25	●	●	2.250.000
NSP200-A	200W	36	32/32	28	●	●	2.460.000
NSP300-A	300W	38	32/32	30	●	●	2.540.000
NSP400-A	400W	40	32/32	32	●	●	2.640.000

(Dây điện 1,8m + phích cắm)

* Bơm chịu được nước nóng lên đến 100°C

** Bơm có cảm biến dòng chảy

*** Cổ bầu áp lực bằng kim loại

MÁY BƠM ĐẦU JET



NJET750

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 40m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

2.050.000

MÁY BƠM LY TÂM



NCP750

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 90 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 28m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

2.150.000

MÁY BƠM LƯU LƯỢNG



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút / xả (mm)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NHF750	750W	300	60/60	10	●	●	1.980.000
NHF1100	1100W	340	60/60	14	●	●	3.050.000
NHF1500	1500W	370	60/60	17	●	●	3.150.000

(Dây điện 20cm)



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



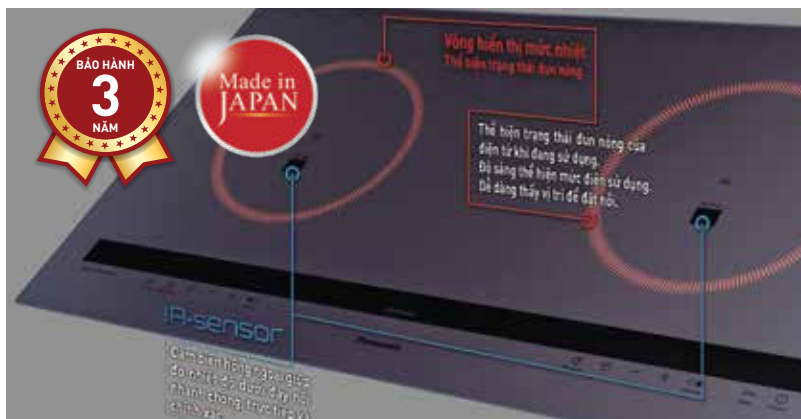
Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát



Sử dụng máy bơm khi keo dính ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm



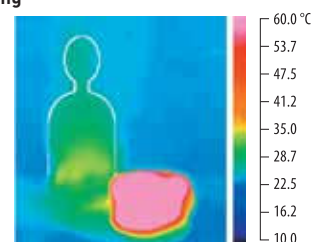
BẾP ĐIỆN TỬ



Mã sản phẩm	KY-C227E 27.500.000	KY-A227E 26.500.000
Màu mặt trên	Xám	Đen
Màu thân	Đen	Đen
Kích thước (mm)	742(R)*400(S)*107(C)	742(R)*400(S)*99(C)
Kích thước cửa lỗ (mm)	710(R)*368(S)	
Điện vào	3,200W - 16A	
Công suất (tối đa)	Trái 3,200W	Phải 3,200W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9
Cảm biến hồng ngoại	•	•
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	•	•
Tăng công suất tối đa	-	•
Công nghệ ECONAVI	•	-
Điều khiển	Cảm ứng	Cảm ứng
Hiển thị mức nhiệt	Số	Số
Khóa an toàn	•	•
Đèn báo nhiệt độ cao	•	•
Chế độ tự động tắt	•	•
Hẹn giờ	1 phút đến 9 giờ 30 phút	
Lắp đặt	Lắp âm/Lắp nổi	Lắp âm
Xuất xứ	Nhật Bản	Nhật Bản

Các tính năng an toàn	
Dừng làm nóng	- Không có nồi/Không người thao tác: Tắt sau 1 phút - Nồi quá nhỏ: Tắt sau 3 phút - Nồi không có nước: Tắt sau 15 phút - Không hoạt động trong thời gian dài: Tắt sau 45 phút
Công suất làm nóng giảm	- Ngăn chặn quá nhiệt - Công suất làm nóng được giảm tự động khi đáy của dụng cụ nấu quá nóng
Nguồn chính tắt	- Tự động ngắt nguồn - Nguồn chính sẽ tự động tắt nếu hết 1 phút mà không có hoạt động nào
Đèn sáng khi mặt trên nóng	Cảnh báo nhiệt độ cao
Khóa tắt cả các hoạt động	Khóa trẻ em

Bếp không bị nóng



Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát.



Thiết kế cuộn kép

Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

MỚI Tính Năng Mới

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI

Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.

Chảo

Mặt bếp bằng thủy tinh

IR-sensor

Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

ECONAVI



Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.



Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.



Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn



Rán thường
40-230°C

Nút thực đơn nấu tự động



Nấu cháo



Rán ngập dầu
140-200°C



ECONAVI BẾP ĐIỆN TỬ

Panasonic

Công nghệ cảm biến nguyên bản từ Panasonic và chương trình điều khiển tiên tiến đảm bảo mang lại những món ăn ngon với sự chính xác cao trong cách thức nấu

ECONAVI

*Giá đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế nhập khẩu nội địa (VAT)

Luminous Ring

Vòng hiển thị mức nhiệt khi nấu từ đồng đều và chính xác

Temperature Control

Điều khiển tự động cho từng thực phẩm

Made in JAPAN

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

LED DOWNLIGHT DN SERIES (NORMAL)

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø109mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

NNNC7581388 - 450lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586388 - 450lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596388 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

240.000

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø114mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø95mm

NNNC7581488 - 675lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586488 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596488 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

285.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø144mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

NNNC7581588 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586588 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596588 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

376.000

Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø169mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNNC7581888 - 1125lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586888 - 1125lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596888 - 1125lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

440.000

Công suất 18W - 220V

Kích thước: Ø194mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø175mm

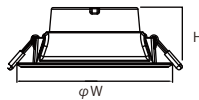
NNNC7581688 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586688 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596688 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

550.000



LED DOWNLIGHT DN SERIES (IP44 TYPE)

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø109mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

Chống nước: Mặt trước IP44 / Mặt sau IP20

NNNC7647088 - 450lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7643088 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

310.000

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø114mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø95mm

Chống nước: Mặt trước IP44 / Mặt sau IP20

NNNC7647188 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7643188 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

370.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø144mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

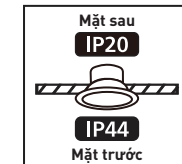
Chống nước: Mặt trước IP44 / Mặt sau IP20

NNNC7647288 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7643288 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

450.000



LED DOWNLIGHT DN SERIES (SENSOR TYPE)

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø127mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

Cảm biến chuyển động/ ánh sáng

NNNC7641588 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7645588 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

730.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø144mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

Cảm biến chuyển động/ ánh sáng

NNNC7641688 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7645688 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

790.000



LED DOWNLIGHT DN SERIES (ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU)

Công suất 3W - 220V - Chính góc 38° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7630088 - 250lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7631088 - 250lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7635088 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

240.000

Công suất 5W - 220V - Chính góc 60° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7624088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7629088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7628088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

270.000

Công suất 7W - 220V - Chính góc 60° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7624188 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7629188 - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7628188 - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

310.000

LED điều chỉnh góc
Tự do, thoải mái điều chỉnh góc chiếu sáng

LED DOWNLIGHT DN SERIES (ĐỔI 3 MÀU)

Ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

NNNC7646088

- Công suất: 9W - 810lm

- Kích thước: Ø127mm/H: 50mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

430.000

NNNC7646188

- Công suất: 12W - 1140lm

- Kích thước: Ø144/H: 55mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

530.000

NNNC7646288

- Công suất: 15W - 1650lm

- Kích thước: Ø169/H: 55mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

630.000



CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø109mm/H: 32mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

NNV70041WE1A - Ánh sáng trung tính 4000K

NNV70061WE1A - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

289.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø129mm/H: 32mm

Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

NNV70042WE1A - Ánh sáng trung tính 4000K

NNV70062WE1A - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

379.000

LED DOWNLIGHT NEO SLIM - MADE IN INDONESIA

Slim Downlight vuông - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ



Công suất 9W - 220V

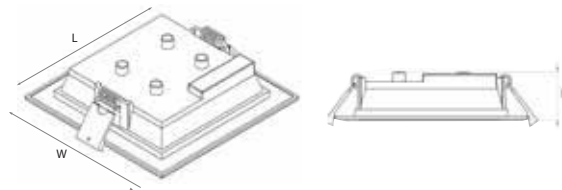
Kích thước: L120xW120mm/ H: 30mm
Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm

NNP72250 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72255 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

370.000



Slim Downlight tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

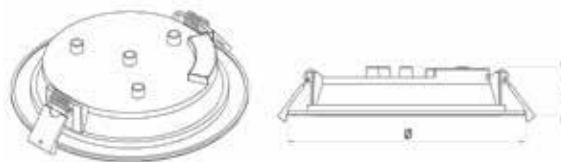
NNP71272 - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP71279 - 420lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP71278 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

255.000



Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

NNP72272 - 630lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP72279 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72278 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

299.000



Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNP74472 - 1130lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP74479 - 1130lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP74478 - 1130lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

479.000



Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø145mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

NNP73472 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP73479 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP73478 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

385.000

Công suất 18W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNP74572 - 1440lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP74579 - 1440lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP74578 - 1440lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

535.000



LED DOWNLIGHT NEO SLIM ĐỔI MÀU - MADE IN INDONESIA

Đổi 3 màu ánh sáng: 6500K - 3000K - 4000K

NNP72276

- Công suất: 9W - 630lm
- Kích thước: Ø120mm/H: 30mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

460.000

NNP73476

- Công suất: 12W - 900lm
- Kích thước: Ø140/H: 30mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

* Dự kiến có hàng tháng 05/2021

560.000

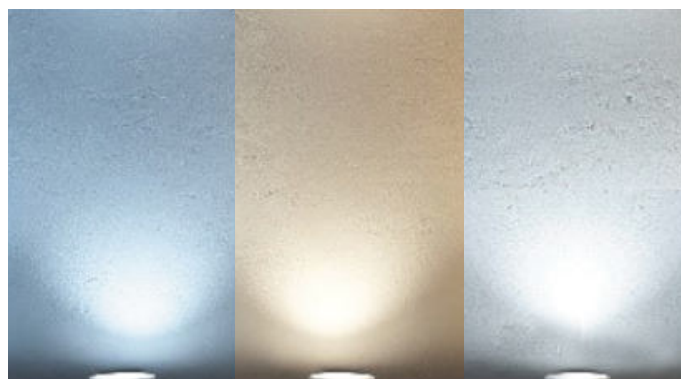
NNP74476

- Công suất: 15W - 1130lm
- Kích thước: Ø170/H: 30mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

* Dự kiến có hàng tháng 06/2021

660.000

BẢNG THAY ĐỔI NHIỆT ĐỘ MÀU



**Ánh sáng trắng
6500K**

**Ánh sáng vàng
3000K**

**Ánh sáng trung tính
4000K**

LED DOWNLIGHT ALPHA SERIES - MADE IN INDONESIA

***Vỏ đèn kim loại, độ sáng sắc nét, tuổi thọ lên tới 40.000 giờ**

Downlight LED Alpha Series tròn - CRI: Ra80

Công suất 8.6W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 35mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

NNP72243 - 770lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72253 - 815lm - Ánh sáng trung tính 5000K

NNP72286 - 850lm - Ánh sáng trắng 6500K

650.000



Downlight LED Alpha Series vuông - CRI: Ra80

Công suất 8.6W - 220V

Kích thước: L100xW100mm/ H: 42mm

Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm

NNP72283 - 697lm - Ánh sáng vàng 2700K

NNP72288 - 730lm - Ánh sáng trắng 6500K

750.000



LED DOWNLIGHT EZ SERIES



Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

Vỏ đèn bằng kim loại - Kích thước siêu mỏng

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø98mm/H: 22mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

NNNC7655188 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7651188 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

340.000



Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø118mm/H: 22mm

Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

NNNC7655288 - 960lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7651288 - 960lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

410.000

Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø158mm/H: 22mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNNC7655388 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7651388 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

480.000



LED DOWNLIGHT ONE-CORE - MADE IN INDONESIA

Downlight thường góc chiếu 100° - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40501K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

635.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40701K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K

825.000



Downlight LED vuông - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, L100xW100xH80mm

HH-LD40507K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD20507K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K

960.000



Downlight LED chỉnh góc - CRI: Ra80

Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30,000 giờ

Công suất 7W - 220V, Ø75/H: 32mm

NNP21102 - 465lm - Ánh sáng trắng 6500K

Kích thước: Ø90mm/H: 32 mm

Kích thước khoét lỗ: Ø75mm

640.000



Downlight LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40508K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

880.000



LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H: 68mm

NNP71259 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

240.000

Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H: 68mm

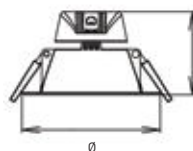
NNP72249 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K

276.000

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H: 78mm

NNP73349 - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K

376.000



LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN

Downlight Panel tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 6W-220V, Ø105mm/H: 21mm

NNP712563 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP712663 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K

245.000

Công suất 8W-220V, Ø105mm/H: 21mm

NNP722563 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K

280.000

Công suất 12W-220V, Ø155mm/H: 21mm

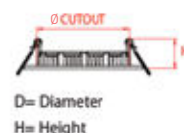
NNP735563 - 850lm - Ánh sáng vàng 3000K

379.000

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H: 21mm

NNP745563 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000K

479.000



ĐÈN PANEL VĂN PHÒNG



Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic



NNFC7036188 (Hiệu suất cao)

- Công suất: 36W/AC220-240V - CRI: Ra80
- Kích thước: L595xW595xH38mm - Trọng lượng: 2kg
- Quang thông: 4400lm - Ánh sáng trắng 6500K
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

1.590.000



LED ỐP TRẦN NỔI (TRÒN)

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø120mm/H: 36mm

NNNC7632088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7633088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7637088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K

350.000

Công suất 12W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø170mm/H: 36mm

NNNC7632188 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7633188 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7637188 - 800lm - Ánh sáng trắng 6500K

490.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 18W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø225mm/H: 36mm

NNNC7622088 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7623088 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7627088 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K

650.000

Công suất 24W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø300mm/H: 36mm

NNNC7622188 - 1700lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7623188 - 1700lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7627188 - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

960.000



Đóng gói: 10 cái/thùng

LED NEO BULB

* Sản phẩm bảo hành 2 năm

LED Neo Bulb - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 12,000 giờ

Công suất: 3W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV3LH6T - 280lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV3DH6T - 280lm - Ánh sáng trắng 6500K

68.000

Công suất: 5W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV5LH6T - 470lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV5DH6T - 470lm - Ánh sáng trắng 6500K

83.000

Công suất: 7W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV7LH6T - 585lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV7DH6T - 650lm - Ánh sáng trắng 6500K

92.000

Công suất: 9W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV9LH6T - 729lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV9DH6T - 810lm - Ánh sáng trắng 6500K

118.000

Công suất: 12W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV12LH6T - 1260lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV12DH6T - 1400lm - Ánh sáng trắng 6500K

149.000

Công suất: 15W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV15LH6T - 1530lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV15DH6T - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

174.000



Đóng gói: 10 cái/thùng



Chứng nhận hiệu suất năng lượng (>100lm/W)



Chứng nhận hợp quy

LED DOWNLIGHT NỔI KHÔNG VIỀN RIMLESS



Rimless Tròn - Công suất: 9W

Kích thước: Ø116mm/H: 42.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

NNNC7625088 - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7621088 - Ánh sáng trắng 6500K

299.000

Rimless Tròn - Công suất: 12W

Kích thước: Ø130mm/H: 42.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

NNNC7625188 - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7621188 - Ánh sáng trắng 6500K

450.000

Đóng gói: 20 cái/thùng



Đóng gói: 20 cái/thùng

Rimless Vuông - Công suất: 9W

Kích thước vuông: 116x116x42.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

NNNC7625388 - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7621388 - Ánh sáng trắng 6500K

299.000

Rimless Vuông - Công suất: 12W

Kích thước vuông: 130x130x42.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

NNNC7625488 - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7621488 - Ánh sáng trắng 6500K

450.000

ĐÈN LED BÁN NGUYỆT (KB BATTEN)

Chất liệu: nhựa PC trong suốt không màu, bền gấp 250 lần thủy tinh
 Tuổi thọ nguồn sáng: 25,000 giờ (LLMF: 70%)

Công suất 18W - 240V - CRI: Ra >80

Kích thước: L600 x W60 x H30mm

NNFC5009088 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNFC5009588 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 30 cái/ thùng

370.000

Công suất 36W - 240V - CRI: Ra >80

Kích thước: L1200 x W60 x H30mm

NNFC5009188 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNFC5009688 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 30 cái/ thùng

580.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

LED LUNA SERIES



Điều khiển bằng cảm ứng
trên mỗi quả cầu

03

Chế độ ánh sáng

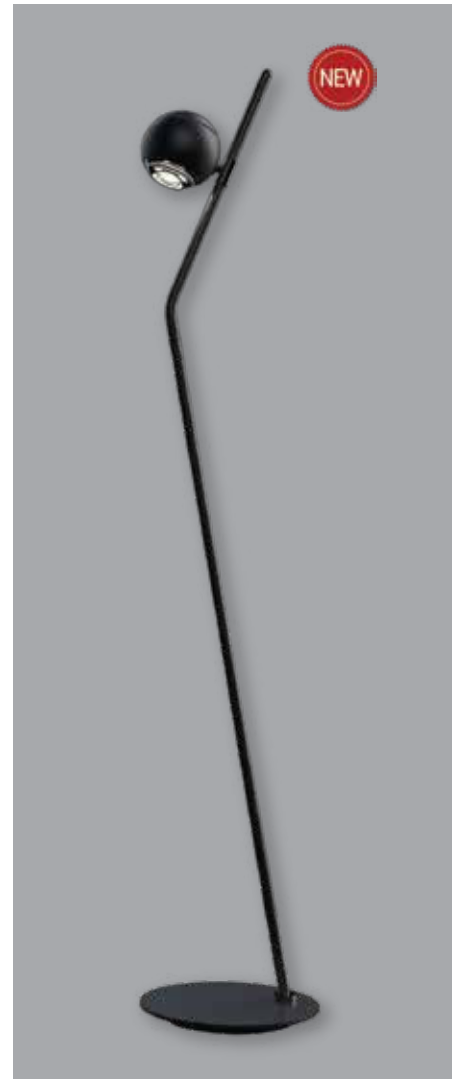
- Chế độ ánh sáng toàn phần
- Chế độ ánh sáng chiếu điểm
- Chế độ ánh sáng hắt sáng



Ánh sáng vàng 3000K



Ánh sáng vàng 3000K



Ánh sáng vàng 3000K

HH-TQ0610

- Công suất 6.5W
- Kích thước: 172*120*370mm
- Khối lượng: 1.9 kg
- CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp

5.000.000

HH-LW2610

- Công suất 18.5W
- Kích thước: Ø385mm*1200mm
- Khối lượng: 3.8 kg
- CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp

11.900.000

HH-TQ1610

- Công suất 6.5W
- Kích thước: Ø240*1220mm
- Khối lượng: 4.5 kg
- CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp

6.300.000



LUNA SERIES

CHẠM NHÉ
ĐÔI KHÔNG GIAN



Dầu đèn xoay 360°



Điều khiển chạm độc đáo



Vật liệu cao cấp

ĐÈN TRẦN LED STARRY SERIES

* Dự kiến có hàng tháng 01/2021

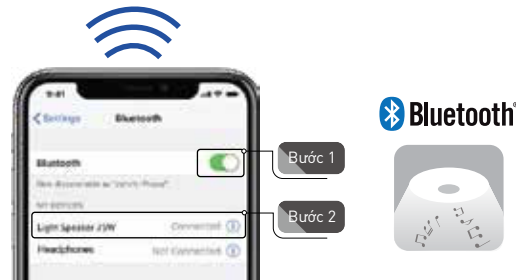


HHGX5340188

- Đèn trần kết hợp loa Bluetooth
- Có remote điều khiển màu, độ sáng và âm thanh
- Công suất: Đèn 25W + Loa 5W
- Diện tích đề xuất: 10-12 m²
- Kích thước: Ø380mmxH60mm
- Khối lượng: 1.2 kg
- Quang thông: 1500lm - CRI:80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

4.400.000

Kết nối loa Bluetooth bằng 2 bước



- Kết nối dễ dàng bằng Bluetooth để thưởng thức âm nhạc của bạn.
- Tích hợp loa chất lượng cao đưa bạn tới với trải nghiệm âm nhạc tuyệt hảo.

Chế độ ánh sáng đa năng



CCT Changeable

Điều chỉnh nhiệt độ màu từ 3000K tới 6500K bằng cách nhấn nút Warm/Cool trên remote



RGB Color

Thay đổi màu sắc xung quanh loa bằng các nhấn nút RGB



10 Steps Dimmable

Thay đổi cường độ ánh sáng bằng cách nhấn nút Bright/ Dim trên remote



Night Light

Chế độ Night Light phù hợp để bạn thư giãn



HH-XZ301188

- Có remote điều khiển màu, cường độ sáng
- Công suất: 36W; Diện tích đề xuất: 12 - 15 m²
- Kích thước: Ø500mmxH98mm
- Khối lượng: 1.4 kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

4.800.000



HH-XZ301788

- Có remote điều khiển màu, cường độ sáng
- Công suất: 28 W; Diện tích đề xuất: 10 - 12 m²
- Kích thước: Ø400mmxH85mm
- Khối lượng: 1.1 kg
- Quang thông: 1900lm - CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

3.900.000



HH-XZ201688

- Có remote điều khiển màu, cường độ sáng
- Công suất: 21 W; Diện tích đề xuất: 8 - 10 m²
- Kích thước: Ø400mmxH85mm
- Khối lượng: 0.8 kg
- Quang thông: 1600lm - CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

3.300.000



Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH



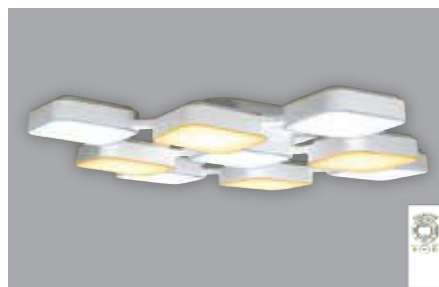
Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ50228

- Diện tích chiếu sáng: 18-22m²
- Công suất 79W/0.37A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H160mm - Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 5000lm - 63.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc

19.320.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ50498

- Diện tích chiếu sáng: 16-20m²
- Công suất 68W/0.31A/AC220-240V
- Kích thước: L740xW740xH120mm - Trọng lượng: 8.6kg
- Quang thông: 5000lm - 73.5lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

15.850.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 2700K

HH-LAZ31758

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L820xW820xH97mm - Trọng lượng: 7.7kg
- Quang thông: 3800lm - 79lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc, viền nhựa trong

11.570.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ31798

- Diện tích chiếu sáng: 12-16m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L600xW600xH129mm - Trọng lượng: 9kg
- Quang thông: 2500lm - 52lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền nhựa vân hình cánh hoa

10.990.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC306988

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø580mm/H120mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - 83lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kép trắng

7.900.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC311788

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø580mm/H120mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong

7.100.000



Thiết kế tinh tế Đèn + quạt



Ánh sáng trung tính 4600K

Ánh sáng vàng 2700K

HH-LM2100988

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 61W (36W đèn + 25W quạt)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø594xH158mm
- Trọng lượng: 4.3kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

15.740.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ167088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø590mm/H140mm
- Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc

5.780.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ175088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất: 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø512mm/H108mm
- Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung nhựa màu hồng

5.630.000



Ánh sáng trắng 6200K

Ánh sáng vàng 2700K

HH-XZ352288

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø550xH100mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa, khung đèn kim loại màu trắng

4.720.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ181488

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất: 21W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm/H80mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại trắng hoa tuyết

3.950.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ351888

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø460xH105mm
- Trọng lượng: 3.3kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

3.900.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA1638DB88

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất: 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L490xW490xH112.5mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, góc viền trang trí nhựa sơn ánh kim

3.600.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 2700K

HH-XQ254088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất: 21W/AC220-240V
- Kích thước: L470xW470xH113mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng công tắc đổi màu 2700K-5000K-6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân trong

2.600.000

ĐÈN TRANG TRÍ

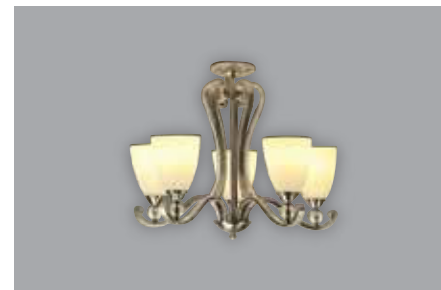


Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM800388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø808mm/H480mm
- Trọng lượng: 12.45kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x8
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

15.970.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM500388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø625mm/H465mm
- Trọng lượng: 8.95kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x5
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

9.960.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO LỐI ĐI, PHÒNG TẮM, HÀNH LANG, BAN CÔNG



HH-XQ140188

Ánh sáng trung tính 4000K

540.000

HH-XQ140288

Ánh sáng trắng 6500K

540.000

HHGXQ143188

Điều chỉnh 3 màu ánh sáng
3000K - 4000K - 6500K bằng công tắc

790.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-8 m²
- Công suất 12W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø260mm/ H: 50mm
- Quang thông: 830lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic



HH-XQ240188

Ánh sáng trung tính 4000K

640.000

HH-XQ240288

Ánh sáng trắng 6500K

640.000

HHGXQ243188

Điều chỉnh 3 màu ánh sáng
3000K - 4000K - 6500K bằng công tắc

940.000

- Diện tích chiếu sáng: 6-10 m²
- Công suất 18W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø325mm/ H: 80mm
- Quang thông: 1200lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic

HH-XQ240388

Ánh sáng trung tính 4000K

740.000

HH-XQ240488

Ánh sáng trắng 6500K

740.000

HHGXQ243288

Điều chỉnh 3 màu ánh sáng
3000K - 4000K - 6500K bằng công tắc

1.100.000

- Diện tích chiếu sáng: 8-12 m²
- Công suất 24W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø380mm/ H: 60mm
- Quang thông: 1600lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic



HHGXQ142888 - Ánh sáng trung tính 4000K

HHGXQ142988 - Ánh sáng trắng 6500K

Đèn trần có cảm biến chuyển động/ ánh sáng

- Diện tích chiếu sáng: 4-8 m²
- Công suất 12W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø225mm/ H: 70mm
- Quang thông: 860lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Chống nước chuẩn IP44

1.100.000



Bề mặt chống nước chuẩn IP44

IP44
Waterproof

HHGXQ242688 - Ánh sáng trung tính 4000K

HHGXQ242788 - Ánh sáng trắng 6500K

Đèn trần có cảm biến chuyển động/ ánh sáng

- Diện tích chiếu sáng: 6-10 m²
- Công suất 18W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø325mm/ H: 80mm
- Quang thông: 1280lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Chống nước chuẩn IP44

1.300.000



Tích hợp cảm ứng ánh sáng/chuyển động

- Trong môi trường tối, đèn sẽ tự động bật sáng bằng cách phát hiện chuyển động của người
- Trong môi trường có ánh sáng, đèn sẽ không tự động bật sáng kể cả khi có chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện

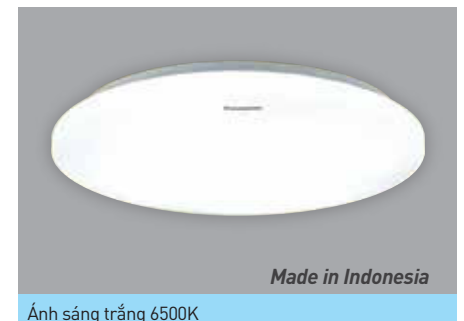


Ánh sáng trắng 6500K

HH-LA0619CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6 m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: Ø260mm/H70mm
- Trọng lượng: 0.73kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Độ kín nước IP64

1.340.000



Made in Indonesia

Ánh sáng trắng 6500K

NNP52600

1.100.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-8 m²
- Công suất 15W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø300mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1127lm - 82.31lm/W - CRI: Ra80

NNP52700

1.415.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-10 m²
- Công suất 20W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø400mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1502lm - 78.21lm/W - CRI: Ra80

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN THẢ



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LA606188

- Thích hợp cho phòng khách, phòng ăn
- Công suất 64W/0.36A/AC220-240V
- Kích thước: Ø787mm / Trọng lượng: 10.5kg
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 400mm - 700mm
- Quang thông: 5100lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Dùng công tắc lắp tường để đổi chế độ chiếu sáng (bật 6 đèn/ bật 3 đèn trắng/ bật 3 đèn vàng)
- Chất liệu: Nhựa trong

13.850.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA202988

- Công suất 32W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: Ø558mm
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 900mm - 1,200mm
- Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 2,550lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

6.910.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LB1090388 (Màu trắng)

HH-LB1090588 (Màu đỏ)

- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic

5.910.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB3090888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø493mm
- Trọng lượng: 5kg
- Tầm treo 1,100mm - 1,200mm
- Chất liệu: Đế đèn kim loại, chóa đèn thủy tinh

5.530.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LW250588

- Công suất: 21W/AC220-240V
- Kích thước: Ø670mm/H178mm
- Trọng lượng: 3.7kg
- Quang thông: 1,500lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại
- Tầm treo 1,200mm

4.700.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB1051288

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- Kích thước: W610xL270xH380mm
- Trọng lượng: 3,9kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu đen
- Tầm treo 1,200mm

3.500.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TƯỜNG TRANG TRÍ



HH-BW050088

- Công suất 6W
- Kích thước: L215xW60xH65mm
- Quang thông: 360lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng sữa

1.800.000

BQ1004W88 (Màu trắng)
BQ1004B88 (Màu đen)

- Công suất: 6 W
- Kích thước: 173 x 90 x 32mm
- Quang thông: 300lm - CRI: 80
- Trọng lượng: 0.6kg
- Chất liệu: Hợp kim

1.750.000

HH-BQ1005W88 (Màu trắng)
HH-BQ1005B88 (Màu đen)

- Công suất: 6 W
- Kích thước: 100 x 100 x 100mm
- Quang thông: 300lm - CRI: 80
- Trọng lượng: 0.6kg
- Chất liệu: Hợp kim

1.750.000



HH-BQ100688

- Công suất: 6 W
- Kích thước: 280 x 160 x 50mm
- Quang thông: 300lm - CRI: 80
- Trọng lượng: 0.8kg
- Chất liệu: Hợp kim

1.750.000

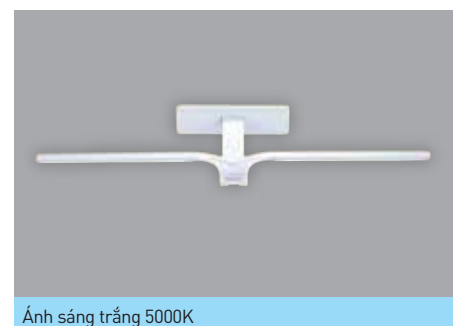
ĐÈN CHIẾU GƯƠNG LED



HH-LW0412488

- Công suất: 9W/ AC220-240V
- Kích thước: L600xW130xH60mm
- Trọng lượng: 1.3kg
- Quang thông: 700lm - Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa

1.900.000



HH-LW0512388

- Công suất: 10W/0.09A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L585xW230xH125mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 700lm - Ra85
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Kim loại màu bạc, chứa đèn bằng nhựa

1.990.000

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM



NNNC7601288 (Màu trắng - Ánh sáng vàng 3000K)

NNNC7606288 (Màu trắng - Ánh sáng trắng 6500K)

NNNC7601388 (Màu đen - Ánh sáng vàng 3000K)

NNNC7606388 (Màu đen - Ánh sáng trắng 6500K)

- Công suất 7W
- CRI: Ra80
- Kích thước: L144xW95xH68mm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Xoay góc chiếu 180 độ
- Chụp đèn sơn tĩnh điện

490.000



RAIL-2-10-W88/B88

Thanh ray gắn đèn chiếu điểm
220-230V 6A/1m, màu trắng/đen

490.000

CON-2-180-W88/B88

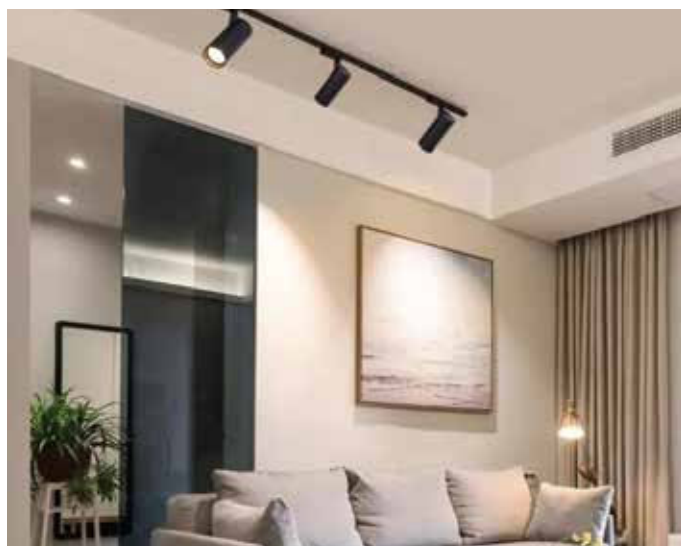
Đầu nối chữ L trắng/đen

160.000

CON-2-90-W88/B88

Đầu nối chữ L trắng/đen

190.000



ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ: 25,000 giờ

Chất liệu: Kính cường lực và hợp kim nhôm ADC12

Công suất 10W - 220V

Kích thước: L114xW30xH109mm

NNYC2011188 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNYC2016188 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

250.000

Công suất 20W - 220V

Kích thước: L138xW30xH127mm

NNYC2011288 - 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNYC2016288 - 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K

350.000

Công suất 30W - 220V

Kích thước: L167xW31xH162mm

NNYC2011388 - 2700lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNYC2016388 - 2700lm - Ánh sáng trắng 6500K

540.000

Công suất 50W - 220V

Kích thước: L197xW35xH174mm

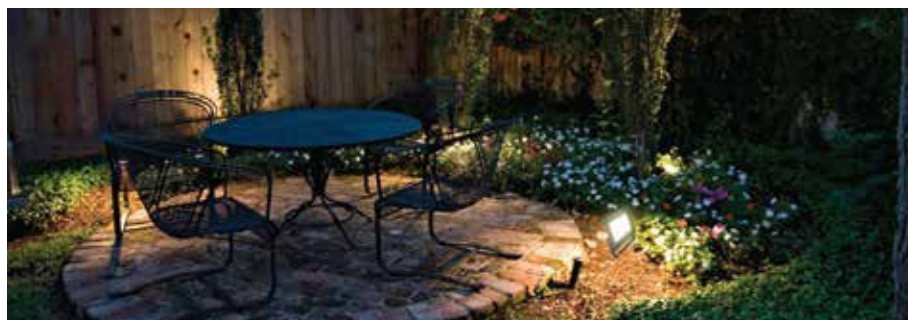
NNYC2011588 - 4500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNYC2016588 - 4500lm - Ánh sáng trắng 6500K

790.000



Bền hơn với kính cường lực



ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI - IP65

**Cảnh báo: Không bật dài LED sáng quá 3 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao gây ảnh hưởng đến độ bền của LED dây*

Đèn LED dây - Strip Light

- Điện áp đầu vào: 230V
- Công suất: 8W/m
- Kích thước: 10*7mm
- Đoạn cắt: 1m
- Trọng lượng: 4.6kg
- Quang thông: 620lm/m
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC
- Tuổi thọ: 20,000 giờ

NFV80003CE1A - Ánh sáng vàng 3000K

NFV80004CE1A - Ánh sáng trung tính 4000K

NFV80006CE1A - Ánh sáng trắng 6500K

4.900.000

NFV90001WE1A - Driver cho LED dây

Công suất: 400W (Max) - AC 220-240V

Đóng gói: 50 cái/thùng

220.000



Panasonic



ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0421 (Trắng)

- Công suất: 7.5W/AC220-240V
- Kích thước: L175xW175xH470mm
- Quang thông: 400lm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

1.850.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0523 (Trắng)

- Công suất: 17W/AC220-240V
- Kích thước: L176xW188xH418mm
- Quang thông: 780lm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

2.950.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0623

- Công suất: 19W/AC220-240V
- Kích thước: L200xW200xH430mm
- Quang thông: 800lm
- Cảm ứng điều chỉnh độ sáng
- Chip LED RG0 loại bỏ ánh sáng xanh
- Nhiều chế độ chiếu sáng tích hợp
- CRI: Ra90

3.950.000

Tiêu chuẩn **JIS A/AA** hàng đầu Nhật Bản

JIS: Japanese Industrial Standard



JIS A/AA là tiêu chuẩn hàng đầu Nhật Bản với sự kết hợp gồm nhiều yếu tố về độ sáng tiêu chuẩn, phân bố ánh sáng tỏa đều, màu sắc chân thực và chống bức xạ mắt. Tạo điều kiện ánh sáng lý tưởng cho mắt tập trung học tập và làm việc.



Bạn có biết về tiêu chuẩn AA?

Các nhà nghiên cứu đã chứng minh được rằng sự kết hợp giữa độ sáng 500lx và nhiệt độ màu từ 5000K là điều kiện lý tưởng để học tập và làm việc, cũng điều kiện chiếu sáng cực tốt 50cm, dưới điều kiện này, mắt bạn sẽ có những trải nghiệm tốt nhờ ít mỏi mắt và độ tập trung cao hơn.



Ánh sáng trung tính 5000K

NNP61922 (Xanh)
NNP61923 (Bạc)

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: L436xW160xH160mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 6 cấp độ
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Đầu đèn có thể xoay được 90 độ

1.780.000



Ánh sáng trắng 6500K Ánh sáng vàng 2700K

NNP63933 (Bạc)

- Công suất: 12W/AC220-240V
- Kích thước: L210xW140xH480mm - Trọng lượng: 1.46kg
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho thiết bị điện tử

2.950.000



Ánh sáng trung tính 5000K Ánh sáng vàng 2700K

SQ - LE530K - W (Trắng)

- Công suất: 7W/AC100-240V
- Kích thước: W66 (cân đèn) x H314mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm (2700K) 350lm (5000K) - CRI: Ra83
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 5 cấp độ
- Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cân đèn

3.850.000

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062919 (Đen)
HH-LT062819 (Trắng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

880.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT033619

- Công suất: 4.7W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 100lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Hộp chân đèn thích hợp nhiều công năng sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT023219

- Công suất: 3.7W/0.06A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L120xW83xH475mm - Trọng lượng: 0.3 kg
- Quang thông: 100lm - 27 lm/W - CRI: Ra80
- 3 mức điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Chân đèn có kẹp thích hợp cho nhiều vị trí sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000

**ÁNH SÁNG ĐỒNG NHẤT**

Loại bỏ hiện tượng bóng nhòa bảo vệ đôi mắt sáng

**ÁNH SÁNG TỎA ĐỀU**

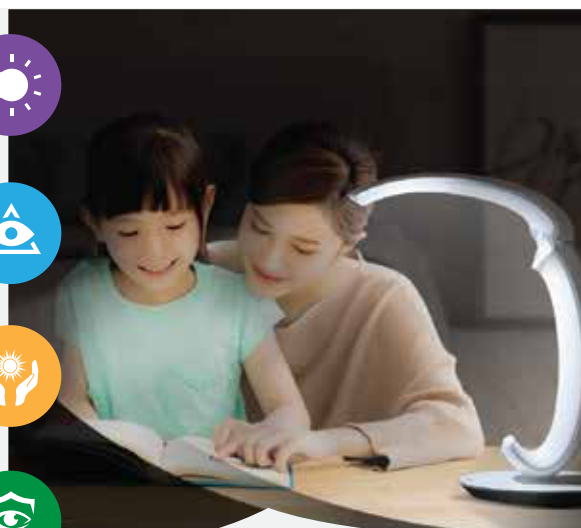
Phân bố ánh sáng lan tỏa của Panasonic có bán kính đến 50cm chiếu sáng nhẹ nhàng và tỏa đều

**ÁNH SÁNG TỰ NHIÊN**

Công nghệ loại bỏ ánh xanh, tạo ánh sáng tiêu chuẩn R80 gần với ánh sáng tự nhiên nhất

**CHỐNG MỎI MẮT**

Với mục tiêu hướng đến khách hàng, Panasonic đã kết hợp công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh cùng với màn bảo vệ cho đôi mắt sáng toàn diện.



Đạt tiêu chuẩn



hàng đầu Nhật Bản



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062019

- Công suất: 6W/0.05A/AC220-240V
- Kích thước: L177xW177xH468mm - Trọng lượng: 0.86kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng
- Đầu đèn có thể xoay 180°, thân đèn gập 45°

1.320.000



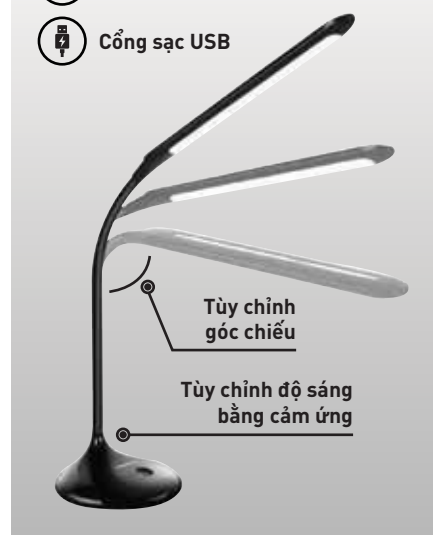
Ánh sáng trung tính 5000K

HH-LT0220P19 (Trắng)
HH-LT0221P19 (Đen)
HH-LT0222P19 (Hồng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L160xW147xH370mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

1.400.000

- Tiết kiệm điện**
- Cổng sạc USB**

Tùy chỉnh
góc chiếuTùy chỉnh độ sáng
bằng cảm ứng

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED SLIM DOWNLIGHT - IP20

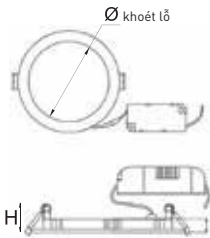
Góc chiếu 120°
Tuổi thọ: 25.000 giờ - CRI: Ra80

Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu - Góc chiếu: 120°



NSD06C1 Công suất 6W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
Quang thông: 420lm - 462lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 36 cái/thùng

139.000



NSD09C1 Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
Quang thông: 630lm - 693lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 30 cái/thùng

199.000

NSD12C1 Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
Quang thông: 824lm - 840lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 24 cái/thùng

233.000



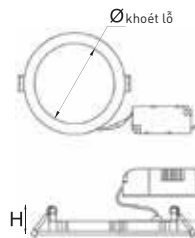
Đèn LED Downlight siêu mỏng - Góc chiếu: 120°



Công suất 6W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm

NSD0631 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0641 - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0661 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 36 cái/thùng

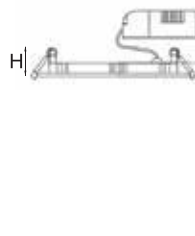
120.000



Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm

NSD0931 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0941 - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0961 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 30 cái/thùng

152.000



Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm

NSD1231 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD1241 - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD1261 - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 24 cái/thùng

176.000



Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø200mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø190mm/H: 22mm

NSD1531 - 1050lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD1541 - 1125lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD1561 - 1125lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

233.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng cảm biến - Góc chiếu: 120°

* Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến



NSD096S - Ánh sáng trắng 6500K
NSD093S - Ánh sáng vàng 3000K
Công suất: 9W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
Quang thông: 630lm
Đóng gói: 30 cái/thùng

288.000



NSD126S - Ánh sáng trắng 6500K
NSD123S - Ánh sáng vàng 3000K

Công suất: 12W - 220V
Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
Quang thông: 840lm
Đóng gói: 24 cái/thùng

314.000

ĐÈN LED DOWNLIGHT CHỐNG NƯỚC - IP65



Đèn downlight chống nước
NDL1833-73 - Ánh sáng vàng 3000K
NDL1833-76 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: Ø110mm/H: 60mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 60mm
- Quang thông: 470lm - CRI: Ra84
- PF: 0.57 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 36°

865.000



Đèn downlight chống nước, điều chỉnh góc chiếu 20°
NDL1831-103 - Ánh sáng vàng 3000K
NDL1831-106 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 10W/AC220-240V
- Kích thước: Ø115mm/H: 75mm
- Khoét lỗ: Ø105mm/H: 75mm
- Quang thông: 709lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 39°

1.070.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED DOWNLIGHT - Tuổi thọ 25.000 giờ - CRI: Ra80 - IP20

Đèn LED Downlight dày đơn màu - Góc chiếu 90°

**Công suất 5W - 220V**

Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL0539 - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL0549 - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL0569 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

166.000

Công suất 8W - 220V

Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL083 - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL084 - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL086 - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

174.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL123 - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL124 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL126 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

245.000

Công suất 14W - 220V

Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL143 - 1240lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL144 - 1330lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL146 - 1330lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

257.000

Đèn LED Downlight dày đổi màu - Góc chiếu 90°

**NDL05C (Công suất 5W - 220V)**

Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
 Quang thông: 430lm - 460lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

217.000

NDL08C (Công suất 8W - 220V)

Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
 Quang thông: 730lm - 780lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

231.000

NDL12C (Công suất 12W - 220V)

Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
 Quang thông: 1120lm - 1200lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

323.000

NDL14C (Công suất 14W - 220V)

Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
 Quang thông: 1300lm - 1400lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

352.000

ĐÈN LED DOWNLIGHT - ECO SERIES - Tuổi thọ 25.000 giờ - CRI: Ra80 - IP20

Góc chiếu 120° - Chất liệu: Nhựa PC

Đèn LED Downlight ECO đơn màu

**Công suất 7W - 220V**

Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED073 - 520lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED074 - 560lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED076 - 560lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

110.000

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED093 - 620lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED094 - 666lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED096 - 666lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

126.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø140mm/H: 45mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 45mm
NED123 - 910lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED124 - 980lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED126 - 980lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

146.000

Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED153 - 1150lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED154 - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED156 - 1250lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

185.000

Công suất 18W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED183 - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED184 - 1500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED186 - 1500lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

202.000

Công suất 24W - 220V

Kích thước: Ø220mm/H: 45mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø195mm/H: 45mm
NED243 - 1950lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED244 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED246 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

273.000

Đèn LED Downlight ECO đổi màu

Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K

**NED07C****Công suất 7W - 220v - 50/60Hz**

Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
 Quang thông: 520lm - 560lm
 Đóng gói: 40 cái/thùng

129.000

NED09C**Công suất 9W - 220v - 50/60Hz**

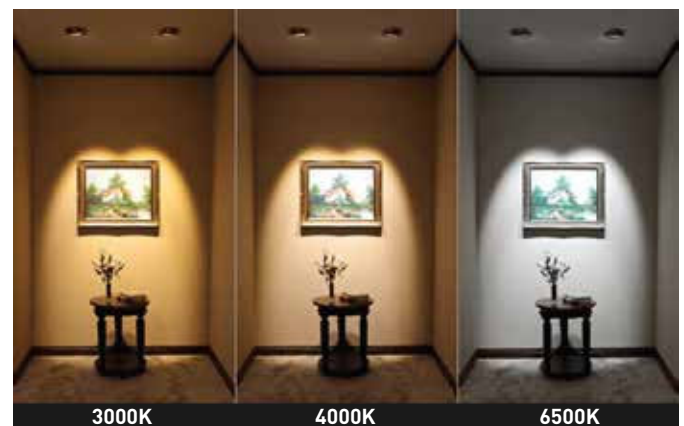
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
 Quang thông: 620lm - 666lm
 Đóng gói: 40 cái/thùng

142.000

NED12C**Công suất 12W - 220v - 50/60Hz**

Kích thước: Ø120mm/H: 45mm
 Quang thông: 910lm - 980lm
 Đóng gói: 40 cái/thùng

169.000



3000K

4000K

6500K

ĐÈN LED PANEL ỐP TRẦN NỔI - IP20

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

Đèn Panel ốp trần nổi loại vuông

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



Công suất: 12W - 220V

Kích thước: L162xW162xH30mm

NPL123S - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL124S - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL126S - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

217.000

Công suất: 18W - 220V

Kích thước: L213xW213xH30mm

NPL183S - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL184S - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL186S - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

282.000

Công suất: 24W - 220V

Kích thước: L288xW288xH32mm

NPL243S - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL244S - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL246S - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

411.000

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



Công suất: 6W - 220V

Kích thước: Ø118mm/H: 30mm

NPL063R - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL064R - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL066R - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

146.000

Công suất: 12W - 220V

Kích thước: Ø164mm/H: 30mm

NPL123R - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL124R - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL126R - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

206.000

Công suất: 18W - 220V

Kích thước: Ø214mm/H: 30mm

NPL183R - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL184R - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL186R - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

254.000

Công suất: 24W - 220V

Kích thước: Ø288mm/H: 32mm

NPL243R - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL244R - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL246R - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

376.000

ĐÈN PANEL ỐP TRẦN LẮP NỔI CẢM BIẾN - IP20

Đèn Panel lắp nổi cảm biến loại vuông

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



NPL126SS - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

Công suất: 12W - 220V - 50/60Hz

Kích thước: L162xW162xH40mm

Đóng gói: 20 cái/thùng

404.000

NPL186SS - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K

Công suất: 18W - 220V - 50/60Hz

Kích thước: L213xW213xH40mm

Đóng gói: 20 cái/thùng

476.000

NPL246SS - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

Công suất: 24W - 220V - 50/60Hz

Kích thước: L288xW288xH40mm

Đóng gói: 10 cái/thùng

640.000

Đèn Panel lắp nổi cảm biến loại tròn

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



NPL126RS - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

Công suất: 12W - 220V - 50/60Hz

Kích thước: Ø145mm/H: 40mm

Đóng gói: 20 cái/thùng

388.000

NPL186RS - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K

Công suất: 18W - 220V - 50/60Hz

Kích thước: Ø174mm/H: 40mm

Đóng gói: 20 cái/thùng

458.000

NPL246RS - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

Công suất: 24W - 220V - 50/60Hz

Kích thước: Ø174mm/H: 40mm

Đóng gói: 10 cái/thùng

612.000

ĐÈN LED TRẦN CHỐNG ẨM - IP44



Công suất: 18W/AC200-240V

Kích thước: Ø285mm/H60mm

NCL183MP - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K

NCL184MP - 1440lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NCL186MP - 1440lm - Ánh sáng trắng 6500K

CRI: Ra80

PF: >0.5 - IP44

Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

Diện tích chiếu sáng: 8-12m²

Đóng gói: 6 cái/thùng

327.000

Công suất: 24W/AC200-240V

Kích thước: Ø335mm/H60mm

NCL243MP - 1870lm - Ánh sáng vàng 3000K

NCL244MP - 1920lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NCL246MP - 1920lm - Ánh sáng trắng 6500K

CRI: Ra80

PF: >0.5 - IP44

Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

Diện tích chiếu sáng: 10-15m²

Đóng gói: 6 cái/thùng

367.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN LED PANEL OFFICE - IP20

Đèn Panel Office ốp trần loại tấm

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 18W - 220V

Kích thước: L295xW295xH8.8mm

NPL30303 - 1520lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL30304 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL30306 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

565.000

Công suất: 24W - 220V

Kích thước: L595xW295xH8.8mm

NPL30603 - 1995lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL30604 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL30606 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 5 cái/thùng

695.000

Công suất: 40W - 220V

Kích thước: L595xW595xH8.8mm

NPL60603 - 3420lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL60604 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL60606 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 5 cái/thùng

844.000

Công suất: 40W - 220V

Kích thước: L1195xW295xH9.4mm

NPL30123 - 3420lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL30124 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL30126 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 5 cái/thùng

980.000

Công suất: 60W - 220V

Kích thước: L1195xW595xH9.4mm

NPL60123 - 5130lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL60124 - 5400lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL60126 - 5400lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 4 cái/thùng

2.350.000



PHỤ KIỆN DÙNG CHO PANEL OFFICE



NPL-R4

Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

36.000



NPL-H4

Bộ 4 dây đèn gắn treo trần

58.000

BÓNG LED BULB TRỤ E27 - IP20

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°

Chất liệu: Chóa nhựa trắng, thân đèn nhôm bọc nhựa



Công suất: 20W - 220V

Kích thước: Ø70mm/H123mm

NLB203 - 1520lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLB206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 60 cái/thùng

104.000

Công suất: 30W - 220V

Kích thước: Ø80mm/H141mm

NLB303 - 2280lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLB306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

140.000

Công suất: 40W - 220V

Kích thước: Ø100mm/H168mm

NLB403 - 3050lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB404 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLB406 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 12 cái/thùng

193.000

Công suất: 50W - 220V

Kích thước: Ø118mm/H194mm

NLB503 - 3800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLB506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 12 cái/thùng

267.000

Công suất: 60W - 220V

Kích thước: Ø138mm/H222mm

NLB603 - 4560lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB604 - 4800lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLB606 - 4800lm - Ánh sáng trắng 6500K

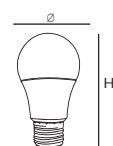
Đóng gói: 6 cái/thùng

334.000

BÓNG LED BULB CÔNG SUẤT NHỎ E27 - IP20

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°

Chất liệu: nhựa PC



Công suất: 3W - 220V

Kích thước: Ø50mm/H88mm

NLB033 - 235lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB036 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 60 cái/thùng

36.000

Công suất: 5W - 220V

Kích thước: Ø55mm/H101mm

NLB053 - 425lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB056 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 60 cái/thùng

42.000

Công suất: 7W - 220V

Kích thước: Ø60mm/H113mm

NLB073 - 570lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB076 - 600lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 60 cái/thùng

46.000

Công suất: 9W - 220V

Kích thước: Ø60mm/H113mm

NLB093 - 765lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB096 - 806lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 60 cái/thùng

54.000

Công suất: 11W - 220V

Kích thước: Ø60mm/H116mm

NLB113 - 1000lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB116 - 1055lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 60 cái/thùng

61.000

Công suất: 14W - 220V

Kích thước: Ø70mm/H133mm

NLB143 - 1450lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLB146 - 1521lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 60 cái/thùng

86.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN LED T8 - Tuổi thọ 15,000 giờ - CRI: Ra80 - IP20

Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa

Công suất 9W - 220V
NT8T0931 - 860lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T0961 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

75.000

Công suất 22W - 220V
NT8T223 - 2010lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T226 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

122.000

Công suất 18W - 220V
NT8T1831 - 1750lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T1861 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

106.000

Chất liệu: Thủy tinh

Công suất 10W - 220V - 50/60Hz
NT8T103 - 1091lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T106 - 1200lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

70.000

Công suất 20W - 220V - 50/60Hz
NT8T203 - 2182lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T206 - 2400lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000

*Dự kiến có hàng T5/2021



MÁNG ĐÈN LED T8 - IP20

Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F109N
 - Dài 0.6m
 - Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

58.000

Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F106
 - Dài 0.6m
 - Kích thước thân máng: W35xH18mm
 - Đóng gói: 30 cái/thùng

42.000

Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F118N
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

75.000

Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F112
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W35xH18mm
 - Đóng gói: 30 cái/thùng

49.000

Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đôi
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F218N
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
 - Đóng gói: 25 cái/thùng

91.000

Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đôi
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F212
 - Dài 1.2m
 - Kích thước thân máng: W40xH23mm
 - Đóng gói: 30 cái/thùng

84.000

MÁNG ĐÈN BATTEN - IP20

Máng đèn Batten đôi 1.2m
NLA42M
 - Kích thước: L1227xW100xH85mm
 - Đóng gói 8 cái/thùng

295.000

Máng đèn Batten đơn 1.2m
NLA41M
 - Kích thước: L1227xW100xH85mm
 - Đóng gói 8 cái/thùng

295.000

BỘ MĂNG ĐÈN LED T8 - IP20

Bộ măng đèn LED Tuyết T8 loại đơn 9W - 220V, 0.6m

NT8F109N3

- Măng đèn NT8F109N
- Kèm 1 bóng tuyết T8 NT8T0931 9W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F109N6

- Măng đèn NT8F109N
- Kèm 1 bóng tuyết T8 NT8T0961 9W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

143.000

Bộ măng đèn LED Tuyết T8 loại đơn 10W - 220V, 0.6m

NT8F1103

- Măng đèn NT8F106
- Kèm 1 bóng tuyết T8 NT8T103 10W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F1106

- Măng đèn NT8F106
- Kèm 1 bóng tuyết NT8T106 10W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

121.000

Bộ măng đèn LED Tuyết T8 loại đơn 18W - 220V, 1.2m

NT8F118N3

- Măng đèn NT8F118N
- Kèm 1 bóng tuyết T8 NT8T1831 18W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F118N6

- Măng đèn NT8F118N
- Kèm 1 bóng tuyết T8 NT8T1861 18W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

200.000

Bộ măng đèn LED Tuyết T8 loại đơn 20W - 220V, 1.2m

NT8F1203

- Măng đèn NT8F112
- Kèm 1 bóng tuyết T8 NT8T203 20W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F1206

- Măng đèn NT8F112
- Kèm 1 bóng tuyết T8 NT8T206 20W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

158.000

MĂNG ĐÈN KÍN NƯỚC - IP65

Góc chiếu 180° - Công suất 220V 50/60Hz

Không kèm bóng - Sử dụng bóng LED Tuyết T8

Măng kín nước 0.6m loại đơn NWP106

- Loại 1 bóng 0.6m
- Kích thước: L660xW70xH75mm
- Đóng gói: 18 cái / thùng

260.000

Măng kín nước 1.2m loại đơn NWP112

- Loại 1 bóng 1.2m
- Kích thước: L1270xW70xH75mm
- Đóng gói: 12 cái / thùng

440.000

Măng kín nước 1.2m loại đôi NWP212

- Loại 2 bóng 1.2m
- Kích thước: L1270xW110xH72mm
- Đóng gói: 8 cái / thùng

590.000

*Dự kiến có hàng T5/2021

AN TOÀN - BỀN BỈ

ĐÈN LED BÁN NGUYỆT - IP20

Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm
Tuổi thọ: 30,000 giờ

Công suất 18W - 220-265V - CRI: Ra80
Kích thước: L600xW75xH27mm

- NSH183** - 1600lm/ Ánh sáng vàng 3000K
- NSH184** - 1600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
- NSH186** - 1600lm/ Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

249.000

Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm, đầu đèn nhựa ABS, tấm bảo vệ nhựa PC
Tuổi thọ: 25,000 giờ

Công suất 36W - 220-265V - CRI: Ra >80
Kích thước: L1200xW75xH30mm

- NSHV363** - 3600lm/ Ánh sáng vàng 3000K
- NSHV364** - 3600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
- NSHV366** - 3600lm/ Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

299.000

Công suất 36W - 220-265V - CRI: Ra80
Kích thước: L1200xW75xH27mm

- NSH363** - 3000lm/ Ánh sáng vàng 3000K
- NSH364** - 3000lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
- NSH366** - 3000lm/ Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

425.000

(* Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ - Góc chiếu 110°
Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC



Công suất 10W - 220V

Kích thước: L117xW27xH138mm/ Trọng lượng: 0.29kg
NLF1103 - 760lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1104 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1106 - 800lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 12 cái/thùng **209.000**

Công suất 20W - 220V

Kích thước: L134xW27xH159mm/ Trọng lượng: 0.37kg
NLF1203 - 1520lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 12 cái/thùng **285.000**

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ - Góc chiếu 110°
Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC



Công suất 100W - 220V

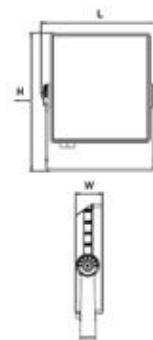
Kích thước: L220xW68xH282mm/ Trọng lượng: 1.65kg
NLF1003 - 8057lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1004 - 8500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1006 - 8500lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 6 cái/thùng **1.416.000**

Công suất 30W - 220V

Kích thước: L167xW36xH220mm/ Trọng lượng: 0.65kg
NLF1303 - 2280lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 12 cái/thùng **418.000**

Công suất 50W - 220V

Kích thước: L222xW38xH301mm/ Trọng lượng: 1.1kg
NLF1503 - 3800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 6 cái/thùng **637.000**



ĐÈN LED TRACK LIGHT - IP20

Đèn Track Light màu trắng

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38°
Chất liệu: Chóa nhựa PC và thân nhôm bạc nhựa

Công suất: 7W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H85mm

NTR073W - 475lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074W - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076W - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **399.000**

Công suất: 14W - 220V
Kích thước: Ø85mm/H134mm

NTR143W - 1140lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR144W - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR146W - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **599.000**



Đèn Track Light màu đen

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38°
Chất liệu: Chóa nhựa PC và thân nhôm bạc nhựa

Công suất: 7W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H85mm

NTR073B - 475lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074B - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076B - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **399.000**

Công suất: 14W - 220V
Kích thước: Ø85mm/H134mm

NTR143B - 1140lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR144B - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR146B - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **599.000**



IP 20

Phụ kiện dùng cho đèn LED Track Light Nanoco



NTR-HR1W

Thanh ray loại H 1m màu trắng (chưa gồm đầu nối dây nguồn)
Kích thước: 35.5x17.5mm
Loại mạch: 1-circuit (P+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20
Đóng gói: 12 cái/thùng **295.000**



NTR-HR1B

Thanh ray loại H 1m màu đen (chưa gồm đầu nối dây nguồn)
Kích thước: 35.5x17.5mm
Loại mạch: 1-circuit (P+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20
Đóng gói: 12 cái/thùng **295.000**



NTR-CW

Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 100 cái/thùng **80.000**



NTR-CB

Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng **80.000**



NTR-MCW

Khớp nối giữa thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 200 cái/thùng **57.000**



NTR-MCB

Khớp nối giữa thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 200 cái/thùng **57.000**



NTR-LCW

Khớp nối chữ L thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 100 cái/thùng **119.000**



NTR-LCB

Khớp nối chữ L thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng **119.000**



NTR-TCW

Khớp nối chữ T thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 100 cái/thùng **156.000**



NTR-TCB

Khớp nối chữ T thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng **156.000**



NTR-4CW

Khớp nối chữ thập thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 60 cái/thùng **202.000**



NTR-4CB

Khớp nối chữ thập thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 60 cái/thùng **202.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ - IP20

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

*Cảnh báo: Không bật dài LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây



60 Chip LED

- ☒ **NSTID0602** - Ánh sáng vàng 2700K
- ☒ **NSTID0604** - Ánh sáng trung tính 4000K
- ☐ **NSTID0606** - Ánh sáng trắng 6000K

177.000

- Công suất: 4.5W/m, DC24V
- Số LED: 60 LED/m
- Loại LED: SMD2835
- Quang thông: 400 lm/m
- Kích thước: 8x1.3mm
- Độ dài: 5m
- Đoạn cắt: 6 chip LED
- Đóng gói: 1 cuộn/bịch - 40 bịch/thùng
- Loại: IP20 (Không phủ keo chống nước)



120 Chip LED

- ☒ **NSTID1202** - Ánh sáng vàng 2700K
- ☒ **NSTID1204** - Ánh sáng trung tính 4000K
- ☐ **NSTID1206** - Ánh sáng trắng 6000K

245.000

- Công suất: 9W/m, DC24V
- Số LED: 120 LED/m
- Loại LED: SMD2835
- Quang thông: 800 lm/m
- Kích thước: 8x1.3mm
- Độ dài: 5m
- Đoạn cắt: 6 chip LED
- Đóng gói: 1 cuộn/bịch - 40 bịch/thùng
- Loại: IP20 (Không phủ keo chống nước)



168 Chip LED

- ☒ **NSTID1682** - Ánh sáng vàng 2700K
- ☒ **NSTID1684** - Ánh sáng trung tính 4000K
- ☐ **NSTID1686** - Ánh sáng trắng 6000K

408.000

- Công suất: 12W/m, DC24V
- Số LED: 168 LED/m
- Loại LED: SMD2835
- Quang thông: 1200 lm/m
- Kích thước: 10x1.3mm
- Độ dài: 5m
- Đoạn cắt: 7 chip LED
- Đóng gói: 1 cuộn/bịch - 40 bịch/thùng
- Loại: IP20 (Không phủ keo chống nước)



Bộ nguồn dùng cho LED dây trong nhà

Bộ nguồn trực tiếp



NST-AD30

Công suất: 30W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 1 cái/ hộp

179.000

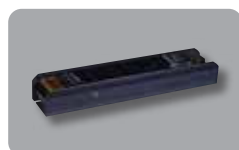


NST-AD60

Công suất: 60W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 1 cái/ hộp

270.000

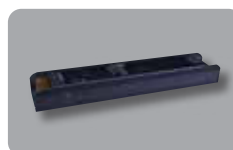
Bộ nguồn tổ ong



NST-PS60-24

Công suất: 60W
Kích thước: 172x34x23mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

184.000



NST-PS250-24

Công suất: 250W
Kích thước: 258x48x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

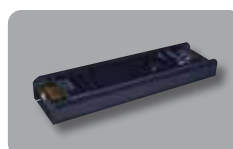
466.000



NST-PS150-24

Công suất: 150W
Kích thước: 195x49x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

333.000



NST-PS360-24

Công suất: 360W
Kích thước: 245x64x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

513.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nẹp nhôm dùng cho LED dây trong nhà

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco



NST-AB1714

Kích thước: 2000x17x14.3mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít



Lắp nổi

142.000



NST-AB1013

Kích thước: 2000x10x13mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 8mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít



Lắp nổi

135.000



NST-AB1414

Kích thước: 2000x14.2x14.2mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12.5mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít



Lắp nổi

152.000



NST-AB2507

Kích thước: 2000x25x7mm
Kích thước lắp âm: 20x8mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít



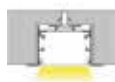
Lắp âm

149.000



NST-AB2414

Kích thước: 2000x24.5x14.2mm
Kích thước lắp âm: 20x15mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít



Lắp âm

149.000



NST-AB1515

Kích thước: 2000x15.7x15.7mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 10mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít



Lắp góc

113.000



Phụ kiện khớp nối dùng cho LED trong nhà



NSTID-CW08

Khớp nối dây nguồn (15cm)
dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M
và 120LED/M

6.100

NSTID-CW10

Khớp nối dây nguồn (15cm), dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M

6.800



NSTID-MC08

Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán
60LED/M và 120LED/M

2.700

NSTID-MC10

Khớp nối giữa dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M

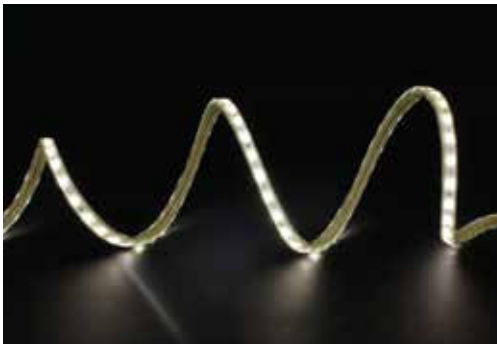
4.100

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 60 CHIP LED

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

*Cảnh báo: Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây



IP 65

- Điện áp đầu vào: 230V
- Số lượng chip: 60 chip LED/m
- Công suất: 4.5W/m
- Kích thước: 10*7.3mm
- Đoạn cắt: 1m
- Trọng lượng: 5kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 4.5W/m, 180lm/m

- NST0602 - Ánh sáng vàng 2700K
- NST0604 - Ánh sáng trung tính 4000K
- NST0606 - Ánh sáng trắng 6000K

2.340.000

- NST060R - Ánh sáng màu đỏ
- NST060G - Ánh sáng màu xanh lục
- NST060B - Ánh sáng màu xanh dương

2.570.000

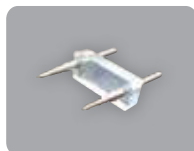
Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời - 60 CHIP LED



NST60-PC

Driver nguồn - IP44 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói 1 bộ/bịch

78.000



NST60-P

Chân cắm nối nguồn
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200



NST60-MC

Khớp nối giữa - IP44
Đóng gói 10 cái/bịch

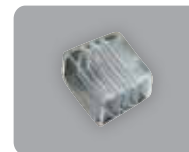
14.000



NST60-C

Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200



NST60-E

Nút bít - IP44
Đóng gói 50 cái/bịch

2.200

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED

*Cảnh báo: Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây



IP 65

- Điện áp đầu vào: 220V-230V
- Số lượng chip: 120 chip LED/m
- Kích thước: 18x8mm
- Trọng lượng: 9kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 8W/m, 600lm/m

- NST1202 - Ánh sáng vàng 2700K
- NST1206 - Ánh sáng trắng 6500K

3.760.000

Công suất 9W/m

- NST120R - Ánh sáng màu đỏ
- NST120G - Ánh sáng màu xanh lục
- NST120B - Ánh sáng màu xanh dương

4.040.000

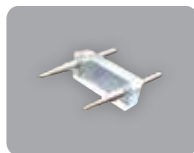
Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời - 120 CHIP LED



NST-PC

Driver nguồn - IP44 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói 1 bộ/bịch

95.000



NST-P

Chân cắm nối nguồn
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200



NST-MC

Khớp nối giữa - IP44
Đóng gói 10 cái/bịch

14.000



NST-C

Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200



NST-E

Nút bít - IP44
Đóng gói 50 cái/bịch

2.200

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED EXIT - Đèn thoát hiểm LED



NEX2108C - Đèn thoát hiểm LED (Đèn chưa kèm hình chỉ hướng)

- Công suất: 5.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz, 0.05A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 42mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Pin: Lithium 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi: 500 cd/m² - Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP20
- Chất liệu: Nhựa PC
- Đóng gói: 12 cái/ thùng
- Không bao gồm hình chỉ hướng

**IP
20**

466.000

Sản phẩm dùng kèm đèn LED thoát hiểm

Hình chỉ hướng

	NEXF-L (1 mặt trái)	18.000		NEXF-TL (1 mặt toilet trái)	18.000
	NEXF-R (1 mặt phải)	18.000		NEXF-TR (1 mặt toilet phải)	18.000
	NEXF-D (1 mặt xuống)	18.000		NEXF-TD (1 mặt toilet xuống)	18.000
	NEXF-U (1 mặt lên)	18.000		NEXF-TU (1 mặt toilet lên)	18.000
	NEXF-LR (1 mặt trái & phải)	18.000		NEXF-E (Đèn báo Exit)	18.000

Bộ phụ kiện gắn tường



NEXA-W
Gồm 2 bộ pát gắn tường

13.000

Bộ phụ kiện gắn treo trần



NEXA-C
Gồm 2 bộ dây treo trần

50.000

LED EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp LED

NEM2135 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz
- Công suất dự trữ: 2.5W
- Kích thước: 280mm x 280mm x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Lithium 3.7V/2.2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

**IP
20**



490.000

LED DOWNLIGHT EMERGENCY - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp

NDLE036 - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp

- Công suất: 3W/AC220-240V/50Hz-60Hz
- Công suất dự trữ: 2W
- Kích thước: Ø140 x 23mm/ Khoét trần: Ø65-85mm
- Trọng lượng: 220g
- Pin: Lithium 3.2V/1.5A
- Thời gian sạc: 16 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa, thân đèn nhôm
- Đóng gói: 48 cái/ thùng

**IP
20**



455.000

LED HIGHBAY - Đèn nhà xưởng LED



Kích thước: Ø330mm/H: 125mm

NHB0906 - 10800lm - Công suất 90W	3.900.000
NHB1206 - 14400lm - Công suất 120W	4.320.000
NHB1506 - 18000lm - Công suất 150W	4.700.000

IP65, 100 - 240V 50/60Hz
Ánh sáng trắng 5700K
Chất liệu: Nhôm đúc, chóa thủy tinh
Đóng gói: 1 cái/thùng

**IP
65**

Kích thước: Ø400mm/H: 141mm

NHB1806 - 21600lm - Công suất 180W	5.850.000
NHB2106 - 25200lm - Công suất 210W	6.200.000
NHB2406 - 28800lm - Công suất 240W	6.600.000

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN TRẦN



IP 54



Đèn trần LED
NCL1331/ NCL1333 - Ánh sáng vàng 3000K
NCL1331-6/ NCL1333-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 15W/AC200-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm - Trọng lượng: 1.8kg
- Quang thông: 1266lm - CRI: Ra84
- PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

Ánh sáng trắng 6000K Ánh sáng vàng 3000K

1.680.000

IP 54



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-73 - Ánh sáng vàng 3000K
NSDL2236-76 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82
- PF: 0.53
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chứa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

Ánh sáng trắng 6000K Ánh sáng vàng 3000K

1.210.000

IP 54



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-203 - Ánh sáng vàng 3000K
NSDL2236-206 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 20W/AC200-240V
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83
- PF: 0.53
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 34°

Ánh sáng trắng 5700K Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG

IP 54

NEW



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2891-6 - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6500K
NBL2891B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông
- PF: 0.9 : 218lm - CRI: Ra85
- Chất liệu: Nhôm đúc, chứa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 96°

Ánh sáng trắng 6000K Ánh sáng vàng 3000K

860.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 - Màu trắng, ánh sáng vàng 3000K
NBL2553-6 - Màu trắng, ánh sáng trắng 6500K
NBL2553S - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80
- PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chứa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 15°/75°

Ánh sáng trắng 6000K Ánh sáng vàng 3000K

1.150.000

IP 54

NEW



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621 - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2621-6 - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6500K
NBL2621B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0.84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, chứa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 73°

Ánh sáng trắng 6000K Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

IP 54

NEW



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2541 - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K
NBL2541-6 - Màu xám nhạt, ánh sáng trắng 6500K
NBL2541B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1.7kg
- Quang thông: 841lm - CRI: Ra83
- PF: 0.90
- Chất liệu: Nhôm đúc, chứa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 21°

Ánh sáng trắng 6000K Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN GẮN TƯỜNG

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2851 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2851-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82
- PF: 0.92
- Chất liệu: Nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 37°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2233 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L135xW96xH135mm - Trọng lượng: 1.5kg
- Quang thông: 1153lm - CRI: Ra81
- PF: 0.91
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 18°

Ánh sáng vàng 3000K

1.680.000

IP 65



NBL1291A - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 20W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0.92
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

NBL1291 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 36W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 2156lm - CRI: Ra84
- PF: 0.99
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

Ánh sáng vàng 3000K

2.370.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2691 - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

NBL2691S - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 389lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 108°

Ánh sáng vàng 3000K

1.050.000

IP 54



NBL2721 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 126°

Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

IP 54



NBL2622 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm - Trọng lượng: 0.64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82
- PF: 0.88 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 72°

Ánh sáng vàng 3000K

1.080.000

IP 65



NBL1791 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm - Trọng lượng: 1.6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85
- PF: 0.5
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 105°

Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN GẮN TƯỜNG

IP 54



NBL5705 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 18W (86x0.2W)/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 801lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 112°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

IP 54



NBL5705A - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 15W/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 769lm - CRI: Ra85
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 103°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

IP 54



NBB1466 - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290mm
- Trọng lượng: 2.6kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.510.000



(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN

IP 54



NBB1463 - Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW140xH350mm - Trọng lượng: 2.5kg
- IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.720.000

IP 54



NGL8434 - Đèn sân vườn LED

- Công suất 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

Ánh sáng vàng 3000K

2.080.000

IP 54



NGL2723 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 45°

Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000

IP 54



NGL8453 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 38°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN

IP 67

NGL1211 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 110°



Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

IP 67

NGL1212 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 99°



Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

IP 67

NGL1214 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 70°



Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

IP 67

NGL2642 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°



Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

IP 67

NGL2641 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°



Ánh sáng vàng 3000K

1.310.000

ĐÈN SPOTLIGHT SÂN VƯỜN

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2746 - 10W(1x10W COB) - 656lm

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra83 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 26°



Ánh sáng vàng 3000K

1.290.000

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673 - 10W(1x10W) - 613lm

1.510.000

NSP1676 - 15W(1x15W) - 934lm

1.650.000

NSP1679 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.720.000

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1.38kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°



Ánh sáng vàng 3000K

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663 - 10W(1x10W) - 613lm

1.370.000

NSP1666 - 15W(1x15W) - 934lm

1.510.000

NSP1669 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.580.000

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°



Ánh sáng vàng 3000K



ĐÈN LỐI ĐI

IP 65



NSL1711 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 8.8W (11x0.8W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

IP 65



NSL2102 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

610.000

IP 65



NSL1713 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 4W (5x0.8W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000

IP 65



NSL2101 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

570.000



IP 65



NSL1121A - Đèn LED gắn âm tường chiếu chân

- Công suất: 3.6W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 75lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 33°

Ánh sáng vàng 3000K

840.000

IP 65



NSL2781 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000



IP 65



NSL2782 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

Warm White 3000K

790.000



YouTube

"Panasonic Life Solutions Vietnam"



Xem hướng dẫn lắp đặt



Cập nhật thông tin sản phẩm



Theo dõi các hoạt động mới nhất



ĐĂNG KÝ

Hãy truy cập trang Youtube của **Panasonic Life Solution** để có thông tin trực quan hơn về ưu điểm, cách thức lắp đặt và những hướng dẫn hữu ích của các sản phẩm: đèn, quạt, bơm, công tắc và cầu dao,...



Zalo



Youtube



Website Nanoco



Website Panasonic



MINERVA

T.1



HALUMIE

T.2



WIDE SERIES

T.3-6



REFINA

T.7-8



FULL-COLOR

T.9



GEN-X

T.10



Ổ CẮM CÓ DÂY/ÂM SÀN CHUỖ ĐIỆN

T.11



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

T.12



CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN & MCCB / ELB / HB

T.13-15



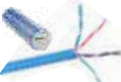
Ổ CẮM CÓ DÂY-TỤ ĐIỆN

T.16



HỘP NỐI, HỘP ÂM

T.17



DÂY CÁP/ BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

T.18



ỐNG THẲNG & ỐNG MỀM PHỤ KIỆN

T.19-20



PCE

T.21-22



QUẠT HÚT

T.23 -25



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ

T.26



QUẠT TRẦN

T.27-28



QUẠT ĐIỆN

T.29-30



MÁY NƯỚC NÓNG

T.31-32



MÁY BƠM

T.33-34



BẾP ĐIỆN TỬ

T.35



LED DOWNLIGHT/LED PANEL/ LED NEO BULB/ LED KB BATTEN

T.36-39



ĐÈN LUNA SERIES/ ĐÈN TRẦN LED

T.40-44



ĐÈN THẢ

T.45



ĐÈN TƯỜNG/ ĐÈN CHIẾU ĐIỂM/ ĐÈN PHA

T.46-47



ĐÈN BÀN LED

T.48-49



LED DOWNLIGHT/LED PANEL ỐP TRẦN/LED T8/ MĂNG ĐÈN/ ĐÈN BÀN NGUYỆT

T.51-56



ĐÈN PHA/TRACK LIGHT/LED DÂY/ LED THOÁT HIỂM & KHẨN CẤP

T.57-61



ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI LED

T.62-66